



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 12/2022

Từ 28/03 - 01/04/2022

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI: HẠN CHẾ TỐI ĐA TÌNH TRẠNG 'LUẬT KHUNG, LUẬT ỒNG'

Đây là nhân mạnh của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại Hội nghị Đại biểu Quốc hội chuyên trách diễn ra sáng ngày 28/3 tại Hội trường Diên Hồng theo hình thức trực tiếp và trực tuyến tại các điểm cầu địa phương để thảo luận, cho ý kiến đối với 4 dự án luật được trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV diễn ra vào tháng 5/2022.



Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ: Hạn chế tối đa tình trạng 'luật khung, luật ồng'.

Ảnh: VGP/Lê Sơn

Theo đó, 4 dự thảo luật được thảo luận tại Hội nghị Đại biểu Quốc hội chuyên trách lần này là Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, Luật Thi đua khen thưởng sửa đổi, Luật Điện ảnh sửa đổi, Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho biết, việc xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa rất quan trọng, là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển đất nước nhanh và bền vững, đã được Đảng ta đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và tiếp tục được xác định là khâu đột phá trọng tâm ưu tiên hàng đầu trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và cả giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

Tại kỳ họp thứ nhất vừa qua, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu chỉ đạo định hướng cho hoạt động của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XV, trong đó đặt ra yêu cầu: "Quốc hội cần tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò, vị trí của mình trong việc tạo lập khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động của đất nước, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng ban hành các văn bản pháp luật; sớm xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Ưu tiên xây dựng mới, bổ sung các đạo luật ở các lĩnh vực trọng điểm có ý nghĩa then chốt, có tính khả thi cao, tạo sự bứt phá phát triển kinh tế - xã hội".

"Kỳ họp thứ 3 của Quốc hội sắp tới có nội dung trọng tâm về công tác lập pháp. Với tinh thần chuẩn bị kỹ lưỡng, từ sớm, từ xa, ngay sau khi kết thúc kỳ họp thứ 2, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo các cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan khẩn trương tổng hợp, nghiêm túc giải trình, tiếp thu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội; tổ chức nhiều cuộc khảo sát thực tế, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, tham vấn ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý để có thêm thông tin, cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện các dự thảo Luật đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2", Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh.

Chủ tịch Quốc hội cũng gợi mở, nhấn mạnh và trao đổi một số nội dung cơ bản xin ý kiến các vị đại biểu Quốc hội chuyên trách đối với 4 dự thảo luật.

Về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ xác định nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao; quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ và thực thi; bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ... đã sớm được Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đề ra.

Mặc dù là Luật sửa đổi, bổ sung nhưng có đến hơn 100 điều của Luật hiện hành phải sửa đổi; đồng thời, còn điều chỉnh một số quy định tại 4 luật khác có liên quan. Việc ban hành Luật sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả nền kinh tế trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

Để bảo đảm chất lượng của dự án Luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị các đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến chú trọng vào các nội dung sau: Về giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước; về thu hẹp đối tượng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; việc bổ sung quy định về Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca; về nội dung cụ thể trong các nhóm vấn đề về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; kỹ thuật lập pháp cần bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa dự thảo Luật này và các Luật Hải quan, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Giá...

Đối với dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) thì công tác này được coi là động lực nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững và góp phần bảo vệ chế độ chính trị - xã hội. Công tác thi đua, khen thưởng là công cụ quản lý quan trọng, tham gia thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, xây dựng con người mới; lay động mạnh mẽ đến tình cảm, trách nhiệm, ý chí tự lực tự cường, lòng tự hào của cộng đồng và sức sáng tạo của tập thể, cá nhân. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước theo hướng tập trung về cơ sở, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, đổi mới công tác khen thưởng bảo đảm chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch, chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công nhân, người dân, người lao động, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, quan tâm khen thưởng cơ sở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số; tập trung giải quyết dứt điểm việc khen thưởng thành tích trong các cuộc kháng chiến...

Về dự thảo Luật Điện ảnh (sửa đổi) được Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến kỹ lưỡng về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau tại đợt họp chuyên đề xây dựng pháp luật của phiên họp thứ 9. Tại Hội nghị này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị các đại biểu tập trung vào một số vấn đề, phương án quy định cụ thể các điều khoản chi tiết, hạn chế tối đa tình trạng "luật khung, luật ống", nhất là về các nội dung: Chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; sản xuất phim sử dụng ngân sách Nhà nước; phổ biến phim trên không gian mạng; quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh...

Với dự thảo Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), Chủ tịch Quốc hội nêu rõ: Tiềm năng thị trường bảo hiểm tại Việt Nam rất lớn; nhu cầu bảo hiểm ngày càng cao. Trong khi đó, quy mô thị trường bảo hiểm còn khiêm tốn, tỉ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP còn thấp; chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm không ổn định; thông tin và nguồn thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm còn chưa đa dạng, đầy đủ, toàn diện, dễ phát sinh tranh chấp.

Do đó, dự án Luật này đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 và Quốc hội cho ý kiến lần đầu tại kỳ họp thứ 2 theo hướng sửa đổi toàn diện nhằm kịp thời giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra; xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ hiện đại, có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, logistics...

Đến nay, dự thảo Luật đã cơ bản được hoàn thiện, tuy nhiên, đề nghị các vị đại biểu phật biểu tập trung, sâu hơn về các vấn đề sau: Về tiếp tục hoàn thiện kết cấu của dự án Luật, về nguyên tắc áp dụng pháp luật; các quy định về các loại hình bảo hiểm; các hình thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, về đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; quy định về hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh, phù hợp với các nguyên tắc chung về hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hàng hải cũng như bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của các bên; việc tiếp tục duy trì hay dừng hoạt động của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm; về bảo hiểm vi mô...

Nguồn: baohinhphu.vn

NGHIÊN CỨU BỔ SUNG, CỤ THỂ HÓA CƠ CHẾ 'DÂN THỤ HƯỞNG' TẠI MỖI LOẠI HÌNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Theo Thông báo số 831/TB-TTKQH Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 9 về dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tán thành với sự cần thiết ban hành Luật nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng về phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có ý kiến cụ thể để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 3 (tháng 5/2022).

Tán thành việc đổi tên Luật

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tán thành việc đổi tên Luật là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Về bố cục, đối với mỗi loại hình thực hiện dân chủ ở cơ sở cần thiết kể thành một chương riêng, trong đó phải quy định rõ quyền và nghĩa vụ của người dân trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, trình tự, thủ tục thực hiện và tương ứng là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong việc bảo đảm thực hiện các quyền dân chủ của người dân; các điều luật phải cụ thể, chi tiết, rõ cơ chế, cách thức bảo đảm thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Trên cơ sở tán thành việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật như đề xuất của Chính phủ, gồm thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; ở cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội; ở tổ chức kinh tế có sử dụng lao động, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu rõ về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cần xác định phạm vi “cơ sở” để thực hiện dân chủ bao gồm cả thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn.

Việc thực hiện dân chủ ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, cần quy định rõ hơn tiêu chí để xác định cơ quan, đơn vị, bộ phận của cơ quan, đơn vị nào là “cơ sở” để thực hiện dân chủ.

Đối với việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tính chất đặc thù, đề nghị làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc có điều chỉnh hay không điều chỉnh trong Luật, nếu có thì điều chỉnh ở mức độ nào là phù hợp. Nghiên cứu phương án Luật này quy định các nguyên tắc chung về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội và giao trách nhiệm

cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, căn cứ vào các nguyên tắc đó, quy định cụ thể việc thực hiện dân chủ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị có tính chất đặc thù. Cùng với việc điều chỉnh việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị, cần nghiên cứu, bổ sung quy định về việc thực hiện dân chủ trong mối quan hệ giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị với công dân trong quá trình giải quyết công việc của người dân theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Về thực hiện dân chủ ở tổ chức kinh tế có sử dụng lao động, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị làm rõ phạm vi “cơ sở” tại tổ chức kinh tế có sử dụng lao động để thực hiện dân chủ; thiết kế nội dung này thành một chương riêng, trong đó có các quy định chung, quy định nguyên tắc về thực hiện dân chủ ở các loại hình tổ chức kinh tế có sử dụng lao động, quy định đặc thù đối với loại hình doanh nghiệp nhà nước và viện dẫn các quy định của pháp luật có liên quan để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Mở rộng dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật

Trên cơ sở phân biệt rõ nội hàm quyền kiểm tra với quyền giám sát của người dân ở cơ sở, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung các quy định về hình thức kiểm tra, giám sát, nội dung kiểm tra, giám sát, hiệu lực và việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của người dân; nghiên cứu bổ sung, cụ thể hóa cơ chế “dân thụ hưởng” tại mỗi loại hình thực hiện dân chủ ở cơ sở; bổ sung, làm rõ vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác cũng như cơ chế bảo đảm để các tổ chức chính trị - xã hội này thực hiện vai trò làm nòng cốt, bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở theo đúng chủ trương “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ”; bổ sung chế tài, hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc chậm trễ hoặc không tuân thủ pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để bảo đảm yêu cầu phát huy, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật; quyền hạn gắn với trách nhiệm, quyền lợi đi đôi với nghĩa vụ, chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng, lạm dụng dân chủ để vi phạm pháp luật, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tán thành việc chuyển các quy định về Thanh tra nhân dân từ Luật Thanh tra sang quy định trong Luật này. Đề nghị Chính phủ đánh giá, tổng kết đầy đủ việc thực hiện chế định Thanh tra nhân dân theo Luật Thanh tra hiện hành, trên cơ sở đó tiếp tục kế thừa những quy định còn phù hợp, chỉ rõ những bất cập, hạn chế để sửa đổi, bổ sung và quy định trong dự thảo Luật này. Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ các luật có liên quan quy định về các hình thức kiểm tra, giám sát có tính chất tự quản tương tự của Nhân dân (như Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ hòa giải, Tổ tự quản,...) để có quy định phù hợp trong dự thảo Luật và dẫn chiếu đến các luật có liên quan.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra tiếp tục rà soát kỹ các văn bản của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, văn bản của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các luật, nghị định có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời; xác định rõ mối quan hệ cũng như nguyên tắc áp dụng Luật này với các luật khác nhằm bảo đảm

tính thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp hoặc mâu thuẫn, chồng chéo; nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời, tiếp tục rà soát, hoàn thiện cả về nội dung và kỹ thuật của dự thảo Luật trên cơ sở tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của các cơ quan thẩm tra như việc sử dụng thuật ngữ “cử tri”, “Nhân dân”, “công dân”, “cộng đồng dân cư”...

Bộ Nội vụ có trách nhiệm báo cáo, tham mưu giúp Chính phủ khẩn trương hoàn thiện hồ sơ chính thức của dự án Luật để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp 3 (tháng 5/2022).

Hồ sơ dự án Luật cần bổ sung dự thảo các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các nội dung được giao trong dự thảo Luật; bảo đảm thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; hoàn thiện Báo cáo tổng kết để phản ánh đầy đủ, toàn diện các nội dung được điều chỉnh trong Luật; hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động của dự án Luật, nhất là đối với những chính sách mới được bổ sung; làm rõ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn về sự cần thiết ban hành Luật trong Tờ trình của Chính phủ để tăng tính thuyết phục. Chậm nhất là ngày 15/4/2022, hồ sơ dự án Luật phải được gửi đến Ủy ban Pháp luật để tổ chức thẩm tra chính thức theo quy định.

Nguồn: ttXVN

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Ngày 28/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 390/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập”.

Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm hiện đại hóa, chuyên đổi số công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, các quy trình, quy định phục vụ việc hệ thống hóa, cập nhật, lưu trữ, bảo vệ an toàn và cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các quy định khác liên quan để góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng.

Trong giai đoạn 2022 - 2023, Đề án phần đầu xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm ứng dụng để cập nhật, tích hợp dữ liệu, kết nối, chia sẻ bảo đảm khai thác an toàn, thông suốt Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, hoàn thành việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng phần mềm, cấu hình phần cứng Hệ thống Trung tâm, các máy tính, số hóa Bản kê khai tài sản, thu nhập; lắp đặt trang thiết bị công nghệ thông tin; cài đặt phần mềm, vận hành thử nghiệm.

Xây dựng cơ chế vận hành, quản lý khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong đó, tập trung xây dựng, bổ sung các văn bản quy định về việc vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và tổ chức bộ máy, biên chế; nâng cao năng

lực của đội ngũ công chức thực hiện việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; phát triển, mở rộng Hệ thống, đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật có liên quan, tạo cơ sở thực hiện việc kê khai, quản lý tài sản, thu nhập trực tiếp trên Hệ thống.

Giai đoạn 2024 - 2025, Đề án thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu về kê khai tài sản tại các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; tích hợp về Cơ sở dữ liệu quốc gia tại Thanh tra Chính phủ theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cổng dịch vụ công, cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo quy định. Trong đó, hoàn thành số hóa, lưu trữ 100% Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; hoàn thành việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác liên quan.

Phát triển, mở rộng việc khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; từng bước thay thế hồ sơ giấy truyền thống nhằm hỗ trợ người có nghĩa vụ kê khai, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập, đến năm 2025 đạt 50% trở lên.

Sau năm 2025, thực hiện chuyển đổi số 100% công tác kiểm soát tài sản, thu nhập bằng việc sử dụng công nghệ số, dữ liệu số.

Đề án được thực hiện trên phạm vi cả nước với các đối tượng là các cơ quan quản lý nhà nước; các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ theo Điều 52 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập lưu trữ tại Thanh tra Chính phủ do Thanh tra Chính phủ xây dựng, quản lý, vận hành gồm thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp.

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác (các cơ quan kiểm soát được quy định theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập) xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, an toàn, bảo mật theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: BAN HÀNH KẾ HOẠCH THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

Ngày 29/3, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định số 251/QĐ-BNV ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022.

Theo đó, với mục tiêu chung là tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách hành chính của cán bộ quản lý các cấp, cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ, nhiệm vụ; đồng thời, nâng cao nhận thức, sự đồng thuận của người dân, tổ chức, xã hội về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước...

7 nội dung tuyên truyền

Một là, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tuyên truyền tình hình triển khai, kết quả, thành tựu trong thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 được ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Hai là, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính.

Ba là, vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Bốn là, tuyên truyền, phổ biến các nội dung cơ bản sau đây: Hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật của nền hành chính phù hợp với Hiến pháp năm 2013; tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện đồng bộ cải cách hành chính, lập pháp và tư pháp; hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế về sở hữu, doanh nghiệp nhà nước; hoàn thiện thể chế về tổ chức và kinh doanh vốn nhà nước; đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 2020), kiểm soát chặt chẽ việc quy định thủ tục hành chính từ khâu dự thảo; tăng cường xây dựng và hoàn thiện các hình thức công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính, trọng tâm là các lĩnh vực: Đầu tư; đất đai, xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu; nhập khẩu; y tế; tiếp cận điện năng; quản lý thị trường...

Tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước: Tình hình triển khai Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (năm 2019). Việc rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, sắp xếp lại các cơ

quan, tổ chức, đơn vị; phân loại các cơ quan hành chính làm cơ sở xác định tổ chức bộ máy phù hợp; triển khai diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực. Phân loại đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp. Đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập; quá trình thành lập, giải thể, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp.

Tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tình hình triển khai, kết quả thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tình hình thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Tình hình, kết quả triển khai cải cách công vụ, công chức. Các quy định của pháp luật về quản lý, tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công vụ, nhiệm vụ, đặc biệt là trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; các đề án, dự án cải cách hành chính do các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tình hình triển khai các nội dung xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trọng tâm là triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tình hình triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; tình hình triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tình hình triển khai, xây dựng, hoàn thiện và kết nối liên thông Hệ thống thông tin báo cáo của bộ,

ngành, địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, tình hình thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử trong hệ thống hành chính nhà nước theo quy định tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm là, những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân cũng như tình hình triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương.

Sáu là, các mô hình, cơ chế đang được triển khai thí điểm, các điển hình tốt trong cải cách hành chính ở Trung ương và địa phương.

Bảy là, quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tham gia và giám sát tiến trình cải cách hành chính.

Bộ Nội vụ yêu cầu, phổ biến, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, thường xuyên, liên tục, đa chiều, phù hợp với tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của từng nhóm đối tượng. Tuyên truyền cải cách hành chính phải gắn với lộ trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2022 của Chính phủ. Lồng ghép công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước với việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách lập pháp, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Tuyên truyền về cải cách hành chính phải góp phần nâng cao dân trí, phòng chống tham nhũng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

*** Ngày 28/03, Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch số 1178/KH-BNV thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022.**

Theo đó, Kế hoạch ban hành nhằm mục đích tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, chỉ đạo của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Nâng cao ý thức, vai trò của cấp uỷ, người đứng đầu, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đồng thời, triển khai đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường phát hiện, ngăn chặn và kịp thời xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng theo quy định pháp luật; kịp thời ngăn chặn, xử lý, đẩy lùi tham nhũng.

Để thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022, Bộ Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoàn thành tốt 5 nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các tổ chức đoàn thể trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Thứ hai, tăng cường quản lý, giám sát cán bộ, công chức, viên chức; hoàn thiện, thực hiện nghiêm các quy định về công tác tổ chức cán bộ.

Thứ ba, kiểm soát tài sản, thu nhập; tăng cường công khai, minh bạch trong thực thi công vụ.

Thứ tư, xây dựng, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; đảm bảo công khai, minh bạch nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Thứ năm, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ căn cứ vào Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đồng thời, thực hiện chế độ thông tin báo cáo (lồng ghép vào báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2022 về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và phòng, chống tội phạm) về Thanh tra Bộ để tổng hợp, báo cáo theo quy định...

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: THÀNH TÍCH ĐẾN ĐÂU, KHEN THƯỞNG ĐẾN ĐÓ

Chiều ngày 28/3, các đại biểu Quốc hội chuyên trách tiếp tục thảo luận, cho ý kiến về dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, trong đó tập trung làm rõ một số vấn đề, nội dung được cử tri quan tâm như khen thưởng đối với khu vực tư nhân, hoàn thành việc khen thưởng thành tích kháng chiến và thanh niên xung phong, phát hiện các nhân tố mới để khen thưởng, bổ sung một số đối tượng mà dự thảo Luật chưa bao quát hết...

Cán bộ làm công tác thi đua phải tìm kiếm, phát hiện người có thành tích

Đại biểu Trương Xuân Cừ (đoàn Hà Nội), đại biểu Trịnh Xuân An (đoàn Đồng Nai) đánh giá cao tiếp thu, chỉnh lý của dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi. Dự thảo Luật đã cụ thể hóa nhiều quy định để hạn chế quy định chung, chú trọng khu vực tư nhân, tránh tình trạng tập trung vào khu vực công.

Theo đại biểu Trương Xuân Cừ, trong lĩnh vực này, cán bộ làm công tác thi đua phải đi tìm nhân tố mới, điển hình tiên tiến để phát hiện, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để cá nhân được khen thưởng tiếp tục nỗ lực cống hiến hơn nữa.

Nhằm nâng cao tính minh bạch của công tác này, đại biểu Hoàng Quốc Khánh (đoàn Lai Châu) phân tích, công khai danh sách người được xem xét tặng danh hiệu và vinh dự Nhà nước là cần thiết nhưng cũng nêu rõ công khai ở đâu để nhân dân biết, theo dõi, nhìn nhận

những người được xem xét khen thưởng, nhất là người dân ở nơi cư trú, nơi làm việc đánh giá, góp ý.

Về việc xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, đại biểu Trần Thị Thu Đông, Chủ tịch Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam (đoàn Bạc Liêu) kiến nghị Ban soạn thảo cần bổ sung thêm một số nghệ sĩ thuộc các lĩnh vực như nhiếp ảnh, kiến trúc, soạn giả sân khấu vào dự thảo Luật để có hình thức xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, bởi hiện nay những người hoạt động trong 9 lĩnh vực văn học nghệ thuật đã được nhắc đến, riêng 3 lĩnh vực nêu trên chưa được quy định cụ thể.

Xem xét tặng Huy chương cho thanh niên xung phong toàn diện hơn

Đại biểu Lê Hữu Trí (đoàn Khánh Hòa) cho rằng, căn cứ để bình xét danh hiệu thi đua thì cá nhân phải đăng ký từ đầu năm thì cuối năm mới được xem xét là cứng nhắc. Vì có nhiều người trong năm có nhiều thành tích nhưng lại không được xét vì không đăng ký... từ đầu năm.

Đối với danh hiệu "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa", cần được xác định có được danh hiệu đó trong một thời gian nhất định chứ không phải là mãi mãi. "Chúng ta thấy nhiều làng văn hóa được ghi ở cổng làng và tồn tại mãi ở đó, nhưng sau này nếu làng văn hóa đó không đạt nữa thì sao, vì đã ghi lên cổng làng là không dễ gì bỏ đi được", đại biểu cho biết.

Bày tỏ băn khoăn đối với quy định cá nhân được xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc phải 2 lần được công nhận Chiến sĩ thi đua cấp bộ, Chiến sĩ thi đua cấp bộ phải 3 lần được nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở sẽ dẫn đến việc "nuôi thành tích" trong cơ quan, tổ chức, đại biểu Nguyễn Thị Kim Anh (đoàn Bắc Ninh) đề nghị cần cân nhắc để hạn chế bất cập của quy định này đối với công tác khen thưởng hiện nay.

Góp ý về tặng thưởng Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang, đại biểu Tạ Văn Hạ (đoàn Quảng Nam) cho rằng, thanh niên xung phong đã có đóng góp to lớn với công tác đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước, luôn là hình ảnh cao đẹp với các thế hệ thanh niên.

Vì thế, đối tượng áp dụng để tặng thưởng Huy chương cần được mở rộng, không chỉ đối với thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến đấu mà còn lực lượng thanh niên xung phong tham gia hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trước đây để kịp thời động viên, tri ân với lực lượng này đối với những công hiến, hy sinh của họ cho đất nước.

Tiếp thu tối đa ý kiến để dự thảo Luật có chất lượng, sức sống lâu bền và tác dụng tích cực

Phát biểu tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, thay mặt cơ quan soạn thảo cảm ơn các ý kiến thiết thực, xác đáng, tâm huyết của đại biểu Quốc hội đối với dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi.

Theo Bộ trưởng, cơ quan soạn thảo đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Xã hội của Quốc hội và các cơ quan liên quan trong tiếp thu thảo luận của đại biểu Quốc hội, xin ý kiến các chuyên gia, nhà quản lý và cử tri để có được dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi thực sự chất lượng nhất, có sức sống lâu bền và phát huy được tác dụng tích cực trong cổ vũ, động viên các phong trào thi đua, khen thưởng trong các tầng lớp nhân dân. Qua đó, đóng góp to lớn

vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, thực sự là nguồn động viên kịp thời, hiệu quả, gắn chặt với nhiệm vụ của cá nhân, tổ chức trong phong trào thi đua, yêu nước hiện nay.

"Đến nay, Ban soạn thảo đã tập trung hoàn thành 4 chính sách cơ bản trong dự thảo luật này. Đó là, hoàn thiện hệ thống thi đua, hoàn thiện hệ thống khen thưởng, hoàn thiện chế độ về thẩm quyền và phân cấp trong công tác thi đua, khen thưởng và cải cách hành chính trong công tác thi đua, khen thưởng", Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết.

Theo đó, từ 4 chính sách này đã thiết kế các điều luật, quy định cụ thể để việc khen thưởng cho các tổ chức cơ sở nhỏ, vùng sâu, vùng xa, người lao động trực tiếp đi vào đời sống và phát huy tác dụng tích cực; quan tâm hơn đến khu vực ngoài công lập, doanh nghiệp tư nhân; khắc phục "cộng dồn thành tích", "lũy kế thành tích"; Ban soạn thảo thiết kế mối quan hệ chặt chẽ giữa công tác thi đua và khen thưởng; làm rõ hơn và đổi mới mạnh mẽ việc khen thưởng theo nguyên tắc "thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó"; thể chế hóa các quy định về thành tích khen thưởng, đối tượng khen thưởng, phân cấp mạnh mẽ cho người đứng đầu bộ, ngành, địa phương trong việc phát hiện cá nhân có thành tích và có hình thức khen thưởng xứng đáng, kịp thời.

Giải trình về danh hiệu thi đua "xã, phường, thị trấn tiêu biểu", Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho biết, điều này được giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quy định cụ thể trên cơ sở căn cứ vào điều kiện cụ thể để quy định cho phù hợp với tình hình địa phương, nếu áp quy định chung cho cả nước thì không phù hợp.

Liên quan đến khen thưởng thành tích kháng chiến và Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang, Bộ trưởng cho biết đã được tiếp thu tối đa chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, đại biểu Quốc hội và cử tri cả nước để sớm hoàn thành trong thời gian tới, nhất là các điều kiện về tiêu chuẩn và thời gian tham gia sẽ được nghiên cứu sao cho phù hợp nhất.

"Thực tế cho thấy còn tồn đọng hơn 18.000 hồ sơ các bác thanh niên xung phong và 9.000 người thuộc lực lượng vũ trang người chưa giải quyết chế độ vì còn vướng mắc hồ sơ, thủ tục. Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục cố gắng thực hiện đúng nhất tinh thần "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc ta", Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nói.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4 VƯỢT YÊU CẦU, ĐẠT GẦN 60%

Bộ Tài chính cho biết, tổng số dịch vụ công trực tuyến thực tế triển khai hiện nay là 868. Trong đó, số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 là 10,48%; số dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là 29,84%; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 7,14% và số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 52,54%. Như vậy, tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chiếm tỷ lệ 59,68%.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương phải cung cấp 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong năm 2020.

Đến nay, Bộ Tài chính hoàn thành kết nối, tích hợp 355/518 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 68,53%, vượt hơn 30% so với yêu cầu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.

Bộ Tài chính là bộ đa ngành, đa lĩnh vực, lĩnh vực quản lý nhà nước trực tiếp ảnh hưởng tới người dân và doanh nghiệp, do đó, Bộ Tài chính luôn dành sự ưu tiên đặc biệt cho cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, minh bạch hóa hoạt động của cơ quan nhà nước.

Bộ Tài chính xác định đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến là ưu tiên hàng đầu trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Đến nay, các thủ tục hành chính của Bộ Tài chính đều được cung cấp dịch vụ công trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi, tiết giảm chi phí hơn nữa cho người dân, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính cung cấp ngày càng nhiều tiện ích, giúp giảm thời gian, chi phí, đem lại sự hài lòng cho các tổ chức và cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia giao dịch với cơ quan tài chính.

Vì vậy, các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính luôn được người dân, tổ chức, doanh nghiệp, đánh giá cao.

Đồng thời, người dân và doanh nghiệp khi gặp những vướng mắc trong thực hiện các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính vào chuyên mục hỏi đáp chính sách tài chính đặt câu hỏi và gửi đến Bộ Tài chính để được giải đáp.

Bên cạnh thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến, Bộ Tài chính còn tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành toàn ngành.

Bộ Tài chính triển khai hệ thống thông tin báo cáo kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ từ năm 2020. Đến thời điểm hiện tại, hệ thống thông tin báo cáo hoàn thành xây dựng 93 chế độ báo cáo định kỳ do Bộ Tài chính phải thực hiện, hoàn thành cung cấp 15 chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.

Bộ Tài chính cũng triển khai thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử thông qua chương trình quản lý văn bản và điều hành giữa cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính, giữa Bộ Tài chính với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương thông qua trực liên thông văn bản quốc gia.

Sau 05 năm khai thác sử dụng, số lượng văn bản điện tử được lưu trữ, quản lý trên chương trình quản lý văn bản và điều hành của Bộ Tài chính khoảng gần 2 triệu văn bản.

Đến nay, hệ thống phục vụ rất tốt cho công tác điều hành của lãnh đạo Bộ Tài chính cũng như cung cấp dữ liệu đầy đủ lên hệ thống thông tin của Chính phủ, cung cấp thông tin kịp thời cho công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ.

Trong tiến trình chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số, mục tiêu đặt ra đến năm 2024 sẽ tập trung thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu đạt 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

Định hướng đến năm 2025, tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng, trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước...

Nguồn: vneconomy.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: KIỂM SOÁT CHẶT VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG NÔNG NGHIỆP

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, trong Quý II/2022, Bộ tiếp tục đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và cải cách trong kiểm tra chuyên ngành; phân cấp giải quyết đảm bảo theo chỉ đạo chung của Chính phủ. Đặc biệt, Bộ sẽ kiểm soát chặt chẽ việc ban hành quy định về thủ tục hành chính.

Trong thời gian tới, Bộ tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Đồng thời, bảo đảm thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của Bộ, Công dịch vụ công của Bộ theo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ và quy định của Chính phủ.

Các đơn vị tăng cường, đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử như: chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng; số hóa kết quả thủ tục hành chính nâng cao tính công khai, minh bạch rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí. Đồng thời, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa để cải thiện chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Cùng với đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng rà soát, cắt giảm đơn giản hóa về yêu cầu điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành đáp ứng chỉ tiêu của Chính phủ; hoàn thiện cập nhật các quy định được đơn giản hóa, bãi bỏ theo quy định tại Quyết định 2177/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021 trên Cơ sở dữ liệu và Công tham vấn quy định kinh doanh.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong Quý I/2022, Bộ đã thực hiện rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh là

429/2559, đạt 16,76%. Cắt giảm chi phí tuân thủ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bộ là 13,2%, tương đương tiết kiệm gần 219 tỷ đồng.

Bộ cũng kiểm soát quy định thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, Bộ cập nhật, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia 119 thủ tục hành chính; công bố bãi bỏ 58 thủ tục hành chính.

Qua rà soát 348 thủ tục hành chính, Bộ đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa 22 thủ tục hành chính (trong đó bãi bỏ 17 thủ tục hành chính); đề nghị phân cấp 54 thủ tục hành chính, đạt 20,4%.

Về hiện đại hóa hành chính, Bộ thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính có đủ điều kiện quy định của pháp luật để cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công; nâng cao chất lượng giải quyết dịch vụ công, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đến nay, Bộ đã có 21/26 dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tuy nhiên, theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị trực thuộc Bộ vẫn còn tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính một số lĩnh vực như: chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật. Việc giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa còn chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định. Đặc biệt, một số đơn vị chưa cập nhật để theo dõi đánh giá chất lượng thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử.

Hay tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 còn chưa cao do có nhiều thủ tục số lượng hồ sơ rất ít, không đảm bảo tiêu chí để lựa chọn thực hiện. Một số đơn vị chưa quyết liệt, thiếu sáng tạo và chậm đổi mới trong triển khai nhiệm vụ được giao về chuyển đổi số. Nhận thức về lợi ích của chuyển đổi số mang lại còn hạn chế, chưa mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin...

Nguồn: bnews.vn

KHẢO SÁT TRỰC TUYẾN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN QUA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Đây là nhiệm vụ của kế hoạch triển khai Đề án 'Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030' năm 2022.

Kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” (Đề án) năm 2022 vừa được Bộ Nội vụ ban hành.

Kế hoạch hướng tới mục tiêu triển khai Đề án để huy động người dân tham gia vào quá trình xây dựng, thực thi, đánh giá chính sách, quy định, hoạt động cải cách hành chính nhà nước và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước kịp thời, chính xác, khách quan, góp phần đẩy mạnh hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2030. Cùng với đó, nâng cao chất lượng phục vụ người dân,

xã hội của cơ quan hành chính nhà nước và thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Một trong những mục tiêu cụ thể của kế hoạch là người dân, xã hội được thông tin công khai, minh bạch, kịp thời về chính sách, quy định, hoạt động, kết quả cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cho người dân, xã hội.

Người dân, xã hội được cung cấp các điều kiện, công cụ dễ dàng, tin cậy để tham gia phản hồi ý kiến, góp ý đối với các chính sách, quy định, hoạt động, kết quả cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.

Các chỉ tiêu liên quan về phát triển bền vững, năng lực cạnh tranh quốc gia được lồng ghép, thực hiện thông qua bộ Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân.

Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương được báo cáo, thông tin kịp thời về tình hình triển khai, kết quả, tác động của cải cách hành chính đối với người dân, xã hội và các đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, chất lượng phục vụ người dân dựa trên cảm nhận, mong đợi của người dân, xã hội.

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, tại kế hoạch mới ban hành, Bộ Nội vụ đã đưa ra 10 nhiệm vụ cần tập trung triển khai trong năm 2022 để thực hiện Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”.

Cụ thể, trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp cùng Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post) xây dựng các chương trình phối hợp triển khai đo lường sự hài lòng của người dân với các cơ quan, tổ chức liên quan.

Bên cạnh đó, trong năm nay, Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương và tổ chức liên quan cũng sẽ triển khai nhiều nội dung như: Xây dựng, công bố Chỉ số Hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021; Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025; Triển khai Trang thông tin điện tử cải cách hành chính; Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về cải cách hành chính, Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương; Đo lường sự hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính năm 2022...

Nguồn: baotintuc.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc sử dụng các thiết bị, máy móc đối với các hệ thống thông tin Chính phủ điện tử để bảo đảm an toàn thông tin mạng.**

Theo dự thảo, an toàn thông tin mạng là tiêu chí đặc biệt quan trọng đối với thiết bị, máy móc khi đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ, trước khi đưa vào sử dụng, trong quá trình sử dụng và sau khi sử dụng.

Thiết bị, máy móc phải được thực hiện kiểm tra, đánh giá và có xác nhận đáp ứng an toàn thông tin trước khi đưa vào sử dụng trong hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử.

Ưu tiên sử dụng máy móc, thiết bị được sản xuất trong nước theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Dự thảo nêu rõ, thiết bị, máy móc trước khi mua sắm, đầu tư phải thực hiện: Kiểm tra, đánh giá và khắc phục lỗ hổng, điểm yếu an toàn thông tin; được xác nhận đáp ứng các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật về đảm bảo an toàn thông tin.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá và xác nhận đáp ứng các yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin này phải được thực hiện bởi doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc tổ chức, đơn vị sự nghiệp nhà nước có chức năng, nhiệm vụ phù hợp được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.

Yêu cầu đối với thiết bị, máy móc trước khi đưa vào sử dụng: Cài đặt phần mềm bảo vệ hoặc thiết lập các biện pháp bảo vệ cần thiết cho thiết bị, máy móc; rà soát, thay đổi cấu hình mặc định để đảm bảo an toàn thông tin cho thiết bị, máy móc; thiết lập phân quyền ở mức độ tối thiểu cho người sử dụng; rà soát và tắt các chức năng không cần thiết.

Người được giao sử dụng thiết bị phải cam kết và ký thỏa thuận bảo đảm an toàn thông tin cho thiết bị theo yêu cầu của chủ quản hệ thống thông tin.

Yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng đối với thiết bị, máy móc trong quá trình vận hành, khai thác: Máy móc, thiết bị phải được cấu hình lưu giữ nhật ký, tối thiểu bao gồm nhật ký hệ điều hành, nhật ký phần mềm bảo vệ hệ thống. Nội dung nhật ký, thời gian lưu giữ nhật ký và tần suất kiểm tra, rà soát nhật ký được thực hiện theo quy định của chủ quản hệ thống thông tin.

Đồng thời xử lý, khắc phục ngay các điểm yếu, lỗ hổng, rủi ro phát hiện được; cập nhật kịp thời các bản vá lỗi và qua các kênh chính thức, đáng tin cậy.

Khi thiết bị, máy móc được mang đi bảo hành hoặc mang ra khỏi cơ quan thì phải thực hiện các biện pháp xử lý dữ liệu (sao lưu, xóa bỏ,...) đảm bảo dữ liệu được an toàn.

Khi thiết bị, máy móc không còn được sử dụng hoặc thay đổi mục đích sử dụng, phải sao lưu, hủy bỏ theo quy trình thống nhất, tập trung để đảm bảo dữ liệu không để lộ lọt ra bên ngoài...

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tại chính quyền địa phương.**

Dự thảo Thông tư này áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức đang công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông tại chính quyền địa phương.

Danh mục các vị trí công tác trong ngành Thông tin và Truyền thông phải định kỳ chuyển đổi như sau:

Đối với lĩnh vực Báo chí, các vị trí công tác trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc bao gồm: Cấp, thu hồi giấy phép xuất bản bản tin cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, thành phố; kiểm tra các điều kiện hoạt động của văn phòng đại diện, phóng viên thường trú trên địa bàn.

Đối với lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, các vị trí công tác gồm: Cấp Giấy chứng nhận việc sử dụng thiết bị thu tín hiệu phát thanh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố; công khai danh sách các Điều kiện cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp và bị thu hồi giấy chứng nhận đủ Điều kiện Điều kiện cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; cập nhật danh sách các trò chơi GI đã được cấp và bị thu hồi quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản.

Trong lĩnh vực xuất bản, In và Phát hành, các vị trí công tác gồm: Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh trên địa bàn tỉnh, thành phố; cấp phép đăng ký hoạt động cơ sở in trên địa bàn tỉnh, thành phố; cấp Giấy phép tổ chức triển lãm hội chợ xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố...

Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các vị trí công tác định kỳ chuyển đổi gồm: Thẩm định thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh, thành phố; thẩm định về phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ đối với đề cương, dự toán chi tiết nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước tại các cơ quan, đơn vị địa phương.

Dự thảo nêu rõ, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác quy định trên là từ đủ 03 năm (36 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng) tính từ ngày văn bản giao nhiệm vụ có hiệu lực.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.**

Theo dự thảo, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, bao gồm: Công nghệ thông tin hạng I; Công nghệ thông tin hạng II; Công nghệ thông tin hạng III; Công nghệ thông tin hạng IV.

Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành an toàn thông tin, bao gồm: An toàn thông tin hạng I; An toàn thông tin hạng II; An toàn thông tin hạng III; An toàn thông tin hạng IV.

Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

Chức danh công nghệ thông tin hạng I, an toàn thông tin hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) có 6 bậc, từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

Chức danh công nghệ thông tin hạng II, an toàn thông tin hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) có 8 bậc, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

Chức danh công nghệ thông tin hạng III, an toàn thông tin hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 có 9 bậc, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

Chức danh công nghệ thông tin hạng IV, an toàn thông tin hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B có 12 bậc, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06. Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng trở lên được tuyển dụng vào vị trí việc làm có yêu cầu chức danh nghề nghiệp hạng IV thì được xếp vào bậc 2 của chức danh nghề nghiệp hạng IV, an toàn thông tin hạng IV; nếu có thời gian tập sự thì trong thời gian tập sự được hưởng 85% mức lương bậc 2 của chức danh nghề nghiệp hạng IV.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn về khai, nộp và chi từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.**

Theo dự thảo, các khoản thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, quyền góp vốn và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ các khoản chi phí liên quan đến chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chi phí chuyển nhượng vốn phải được khai, nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này, trong đó:

Khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP nộp vào ngân sách trung ương.

Khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP nộp vào ngân sách địa phương.

Đối với thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập: Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng, dự thảo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá, tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BTC và Thông tư số 111/2020/TT-BTC về ngân sách nhà nước.

Tiền thu từ bảo lãnh phát hành: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua bán cổ phần theo hợp đồng bảo lãnh, tổ chức bảo lãnh phát hành có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần theo quy định về ngân sách nhà nước.

Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư, bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp: Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập khai, nộp tiền thu từ bán cổ phần về ngân sách nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền.

Đối với thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp cấp 1 đang hoạt động: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quyết định

về việc nộp phân chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ của doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước theo quy định, doanh nghiệp có trách nhiệm khai, nộp về ngân sách nhà nước.

*** Bộ Công an đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định tiêu chí cải cách hành chính và xác định chỉ số cải cách hành chính trong Công an nhân dân.**

Dự thảo Thông tư nêu rõ nguyên tắc quy định tiêu chí cải cách hành chính và xác định chỉ số cải cách hành chính trong công an nhân dân. Quy định tiêu chí cải cách hành chính đảm bảo đầy đủ, chính xác, phù hợp với thực tiễn cải cách hành chính trong công an nhân dân.

Xác định chỉ số cải cách hành chính bằng điểm số cụ thể, gắn với từng nội dung tiêu chí và có tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình cụ thể đối với những nội dung không có tài liệu kiểm chứng kèm theo.

Xác định chỉ số cải cách hành chính trong công an nhân dân đảm bảo đa chiều, lồng ghép các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an ninh, trật tự thuộc chức năng của Bộ Công an đang triển khai thực hiện; đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, khách quan trong xác định chỉ số cải cách hành chính.

Dự thảo Thông tư quy định về 8 tiêu chí khung bao gồm: 1. Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; 2. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; 3. Cải cách thủ tục hành chính; 4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; 5. Cải cách chế độ công vụ; 6. Cải cách tài chính công; 7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; 8. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ các tiêu chí cụ thể về cải cách hành chính của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ không có chức năng giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có chức năng giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thang điểm đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính tối đa là 100 điểm. Trong đó, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ không có chức năng giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức: tự đánh giá tối đa 100 điểm. Đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có chức năng giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức: tự đánh giá tối đa 80 điểm; đánh giá qua điều tra xã hội học, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công: tối đa 20 điểm.

Đối với Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: tự đánh giá tối đa 75 điểm; đánh giá qua điều tra xã hội học, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công: tối đa 13 điểm; đánh giá qua việc lấy ý kiến của các cơ quan, ban, ngành có liên quan ở địa phương: tối đa 7 điểm.

Về nội dung xếp loại, công bố và sử dụng kết quả Chỉ số cải cách hành chính, dự thảo Thông tư quy định theo hướng căn cứ kết quả thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Công an các đơn vị, địa phương, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp dự thảo và trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phê duyệt Chỉ số cải cách hành chính trong công an nhân dân với các mức xếp loại như sau: Tổng số điểm đạt được từ 95 điểm trở lên, tương ứng với chỉ số cải cách hành chính từ 95% trở lên: xếp loại Xuất sắc. Tổng số điểm đạt được từ 80 điểm đến

dưới 95 điểm, tương ứng với Chỉ số cải cách hành chính từ 80% đến dưới 95%: xếp loại Tốt. Tổng số điểm đạt được từ 70 điểm đến dưới 80 điểm, tương ứng với Chỉ số cải cách hành chính từ 70% đến dưới 80%: xếp loại Khá. Tổng số điểm đạt được từ 50 điểm đến dưới 70 điểm, tương ứng với Chỉ số cải cách hành chính từ 50% đến dưới 70%: xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ (loại trung bình). Tổng số điểm đạt được dưới 50 điểm, tương ứng với Chỉ số cải cách hành chính dưới 50%: xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ (loại yếu).

Ngoài ra, dự thảo Thông tư quy định rõ về điểm thưởng và điểm phạt. Điểm thưởng là số điểm được cộng thêm vào tổng điểm thẩm định trước khi xác định Chỉ số cải cách hành chính trong công an nhân dân. Tiêu chí điểm thưởng gồm: Tổ chức tự xác định điểm Chỉ số cải cách hành chính chặt chẽ, chính xác và báo cáo Bộ Công an đúng thời gian quy định: 01 điểm; có những cách làm đột phá trong công tác cải cách hành chính, được dư luận đánh giá cao: 01 điểm.

Điểm phạt là số điểm phải trừ đi từ tổng điểm thẩm định trước khi xác định chỉ số cải cách hành chính trong công an nhân dân. Tiêu chí điểm phạt gồm: Thiếu quan tâm đến công tác cải cách hành chính, để xảy ra tình trạng trì trệ, không đổi mới, không tiến bộ hoặc có nhiều đơn vị trực thuộc thực hiện công tác cải cách hành chính yếu, bị dư luận phê phán: 01 điểm.

Có đơn thư tố cáo, kiến nghị, ý kiến góp ý hay tin, bài trên các phương tiện thông tin về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị mà được cơ quan có thẩm quyền xác minh nội dung phản ánh là đúng sự thật hoặc để xảy ra sai sót trong quá trình xử lý công việc làm ảnh hưởng đến uy tín của công an nhân dân: trừ 01 điểm.

Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính trong công an nhân dân là tiêu chí quan trọng trong đánh giá, bình xét và tính điểm phong trào thi đua Vì An ninh Tổ quốc hàng năm.

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.**

Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, trong thời gian qua, trên cơ sở phản ánh, kiến nghị của các địa phương, người dân và doanh nghiệp về các khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành Luật Đất đai, Bộ đã tập trung nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thi hành Luật Đất đai trong thời gian qua.

Song song với quá trình xây dựng dự án Luật Đất đai sửa đổi, thực hiện chủ trương chung của Chính phủ về tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, người dân và doanh nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục chỉ đạo các cơ quan có liên quan rà soát các quy định của pháp luật đất đai để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai để tiếp tục tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành trong khi chờ sửa đổi toàn diện Luật đất đai.

Qua kết quả rà soát vướng mắc, chồng chéo trong hệ thống pháp luật của các Bộ, ngành, địa phương, các vướng mắc, bất cập do địa phương phản ánh và ý kiến của cử tri, đại biểu Quốc hội, còn tồn tại một số vấn đề sau:

1. Về hoạt động của Tổ chức phát triển quỹ đất với chức năng khai thác phát triển quỹ đất để khai thác nguồn lực đất đai còn bất cập, chưa phát huy hiệu quả như mong muốn.

2. Công tác đăng ký, cấp Giấy chứng nhận còn gặp khó khăn: Đối với tổ chức chưa quy định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan. Đối với hộ gia đình, cá nhân còn so bì, chưa công bằng khi xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp sử dụng đất từ trước 18/12/1980 nhưng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với các công trình xây dựng là khách sạn, căn hộ - khách sạn, văn phòng lưu trú, biệt thự du lịch nghỉ dưỡng, căn hộ du lịch nghỉ dưỡng, nhà nghỉ du lịch và công trình khác (công trình phục vụ mục đích lưu trú, du lịch) trên đất thương mại - dịch vụ gặp nhiều khó khăn tại các địa phương. Chưa rõ các loại giấy tờ để thực hiện thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải là dự án phát triển nhà ở. Chưa rõ về thời gian niêm yết tại xã trong trường hợp làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất.

3. Việc tổ chức lập, lấy ý kiến và tích hợp phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trước khi tích hợp vào quy hoạch tỉnh còn vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai.

4. Việc xác định giá đất còn kéo dài, giá đất chưa phù hợp với thị trường do vấn đề thông tin định giá và việc áp dụng các phương pháp định giá.

5. Thủ tục hành chính trong việc xác định các trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến tiến độ sử dụng đất, thủ tục thu hồi đất trong trường hợp dự án bị chấm dứt hoạt động đầu tư chưa đủ rõ; thủ tục điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích của Thủ tướng Chính phủ còn kéo dài.

6. Chưa có quy định về trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân mua tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thông qua bán đấu giá, phát mãi.

7. Việc áp dụng các quy định xử lý chuyển tiếp liên quan đến thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trong các nghị định đã ban hành trước đây kéo dài, gây tình trạng chây ì và có nguy cơ thất thoát nguồn thu cho ngân sách.

8. Việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trong thời gian qua còn phát sinh nhiều bất cập.

Từ thực tế nêu trên, theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai để giải quyết những vướng mắc, tồn tại trong thực tiễn là cần thiết trong khi Quốc hội chưa ban hành Luật Đất đai sửa đổi.

Dự thảo Nghị định đề xuất sửa đổi, bổ sung 6 Nghị định, gồm: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn

Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Sửa đổi, bổ sung Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: CÔNG BỐ CHỈ SỐ SIPAS NỘI BỘ NĂM 2021

Ngày 22/3, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã thông qua Báo cáo kết quả đo lường Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, cơ quan tương đương sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố năm 2021 (Chỉ số SIPAS nội bộ năm 2021).

Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các Sở, cơ quan tương đương Sở năm 2021 được xác định dựa trên 5 yếu tố thành phần: (1) Yếu tố tiếp cận dịch vụ thủ tục hành chính, (2) Yếu tố về thủ tục hành chính, (3) Yếu tố công chức giải quyết thủ tục hành chính, (4) Yếu tố kết quả giải quyết thủ tục hành chính, (5) Yếu tố tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính. Khối Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã ngoài 5 yếu tố thành phần nêu trên, bổ sung thêm 1 yếu tố thành phần về trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin và điều hành của chính quyền.

Chỉ số SIPAS nội bộ năm 2021 của TP. Hà Nội do Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội phối hợp Bưu điện Hà Nội thực hiện. Đối tượng khảo sát là cá nhân, người đại diện tổ chức đã trực tiếp thực hiện giao dịch và đã nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa của cơ quan, đơn vị, địa bàn được khảo sát từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm khảo sát, từ tháng 10 đến tháng 12/2021. Việc khảo sát được tiến hành trên địa bàn TP. Hà Nội, tại 20 Sở, cơ quan tương đương sở, 30 quận, huyện, thị xã thuộc thành phố. Về cỡ mẫu, số lượng mẫu khảo sát: (1) Đối với các Sở, cơ quan tương đương Sở là 1.250 phiếu; mỗi đơn vị sẽ được lựa chọn 02 thủ tục hành chính (căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị) và phân bổ cỡ mẫu đối với từng thủ tục hành chính. (2) Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã là 4.800 phiếu. Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của quận, huyện, thị xã, khảo sát 03 lĩnh vực và phân bổ cỡ mẫu đối với từng lĩnh vực, gồm: Tư pháp (25 phiếu); Lao động - Thương binh và Xã hội (15 phiếu) và các lĩnh vực khác gồm: Đăng ký kinh doanh, Quản lý đô thị, Văn hóa Thông tin (30 phiếu). Tại mỗi quận, huyện, thị xã, chọn 03 đơn vị cấp xã theo nguyên tắc: 01 đơn vị cấp xã có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện đóng trên địa bàn và 02 đơn vị theo phân loại đơn vị cấp xã còn lại; thực hiện khảo sát đối với 02 lĩnh vực: Hộ tịch và Lao động, Thương binh và Xã hội (30 phiếu/01 đơn vị cấp xã).

Do tình hình thực tế của dịch bệnh COVID-19, phương án khảo sát kết hợp khảo sát trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (gọi tắt là Bộ phận một cửa) và khảo sát truy hồi qua Bưu điện. Trên cơ sở danh sách các cá nhân, tổ chức đã hoàn thành giao dịch và nhận kết quả từ 01/01/2021 đến thời điểm khảo sát, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội lập danh sách đối tượng khảo sát theo công thức chọn mẫu thống nhất, sau đó gửi và thu phiếu qua đường Bưu điện.

Kết quả khảo sát Chỉ số SIPAS năm 2021 khối sở, cơ quan tương đương sở: 20/20 đơn vị đều đạt Chỉ số trên 81%; nhóm các đơn vị đạt Chỉ số hài lòng cao nhất là Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính; nhóm các đơn vị đạt Chỉ số hài lòng thấp nhất là Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Ban Quản lý Khu Công nghiệp và Chế xuất. Kết quả khảo sát Chỉ số SIPAS năm 2021 khối quận, huyện, thị xã: nhóm các đơn vị đạt Chỉ số hài lòng cao nhất là quận Cầu Giấy, quận Tây Hồ, huyện Phú Xuyên, huyện Đan Phượng; nhóm các đơn vị đạt Chỉ số hài lòng thấp nhất là quận Nam Từ Liêm, huyện Thạch Thất, huyện Sóc Sơn, huyện Phúc Thọ.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội chỉ đạo, các sở, cơ quan tương đương sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc Thành phố căn cứ kết quả đo lường Chỉ số SIPAS nội bộ năm 2021 thông tin đầy đủ, kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị mình; nghiêm cứu, phân tích, làm rõ nguyên nhân những tiêu chí, chỉ tiêu còn thấp; khẩn trương xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, góp phần nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị năm 2022 và những năm tiếp theo.

Hồng Hải, Sở Nội vụ TP. Hà Nội

HÀ NỘI: ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN VIỆC THỰC HIỆN CƠ CHẾ 'MỘT CỬA', 'MỘT CỬA LIÊN THÔNG'

Ngày 25/3, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội vừa ban hành Kế hoạch số 95/KH-UBND về thông tin, tuyên truyền việc thực hiện cơ chế 'một cửa', 'một cửa liên thông' và các nội dung của Đề án 'Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông' trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022.

Mục đích của kế hoạch nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức, hướng mục tiêu “lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước” trên địa bàn thành phố, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, duy trì và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của thành phố thuộc nhóm địa phương dẫn đầu của cả nước.

Đồng thời, phát hiện và phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực, những sáng kiến, giải pháp, mô hình, tấm gương tiêu biểu hoặc những biểu hiện, hành vi chưa đúng của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ tại cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trên địa bàn thành phố và các nội dung nhiệm vụ, kết quả thực hiện Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông” của thành phố.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội yêu cầu kết hợp lồng ghép việc thông tin, tuyên truyền việc thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế

một cửa, một cửa liên thông” với thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính và việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Đẩy mạnh nội dung tuyên truyền về quyền, nghĩa vụ cũng như trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức của cán bộ, công chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp, công dân trong mối quan hệ với cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, thông tin rộng rãi đến cộng đồng người dân và doanh nghiệp về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính của thành phố; hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện, tra cứu tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính được tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa”, qua dịch vụ bưu chính công ích, trên môi trường điện tử ở mức độ 3, 4 qua Cổng dịch vụ công của thành phố và Cổng dịch vụ công quốc gia...

Nguồn: hanoimoi.com.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: CHÚ Ý TIÊU CHÍ VỀ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Nếu như từ trước đến nay chúng ta ít có đánh giá một cách định lượng về công tác cải cách hành chính thì gần đây, TP. Hồ Chí Minh đã có đánh giá xếp hạng cải cách hành chính với quận, huyện, sở, ngành. Việc đánh giá, xếp hạng với tiêu chí cụ thể như vậy là tiến bộ.

Từ kết quả đánh giá, các cơ quan, đơn vị sẽ thấy được mình đang ở đâu trên thang bậc cải cách hành chính. Các cơ quan, đơn vị phải hết sức cầu thị, nghiêm túc nhìn nhận cần bổ khuyết những phần nào chưa được đánh giá cao, cần phát huy những điểm mạnh nào. Việc xếp hạng, đánh giá như trên cần được nhìn nhận ở góc độ tích cực, không phải để thấy “tôi hơn anh” hay “anh hơn tôi” mà để mỗi đơn vị điều chỉnh, cải thiện, nâng cao hiệu quả trong cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Việc đánh giá xếp hạng cũng sẽ đặt các cơ quan, đơn vị luôn trong tình trạng thi đua. Về thi đua, sinh thời, Bác Hồ có nhận xét, “thi đua một cách rất tốt, rất thiết thực để làm cho mọi người tiến bộ” và kêu gọi “nhà nhà thi đua, người người thi đua, ngành ngành thi đua...”. Điều đó cho thấy, thi đua có ý nghĩa là để tiến bộ, lành mạnh chứ không phải để ganh đua. Như vậy, việc xếp hạng, dựa trên các tiêu chí định lượng là một bước tiến bộ lớn, với kết quả cuối cùng là làm hài lòng người dân, doanh nghiệp và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đây chính là kết quả cuối cùng mà việc đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính hướng đến.

Việc đo lường, đánh giá là điều đáng mừng, nhưng nó có thể không làm hài lòng tất cả mọi người. Vấn đề là cách đánh giá như thế nào cho công bằng, mang tính khoa học, khách quan nhất. Vì vậy, công tác đánh giá cần tiếp tục được hoàn thiện, theo hướng khoa học hóa việc đánh giá, tránh làm theo cảm tính, mù mờ. Có như vậy, các cơ quan, đơn vị mới thực sự “tâm phục khẩu phục”, coi kết quả đánh giá là thước đo cho công tác cải cách hành chính của mình.

Trong các tiêu chí phân loại, xếp hạng cần đặc biệt chú ý đến tiêu chí về sự hài lòng cao của người dân và doanh nghiệp. Về phía người dân, doanh nghiệp, điều đáng quan tâm nhất là dịch vụ hành chính có dễ tiếp cận không, thủ tục có rõ ràng, nhanh gọn hay không. Chẳng hạn, nói tạo điều kiện cho doanh nghiệp, vậy thì doanh nghiệp tiếp cận các thông tin về quy hoạch, đất đai có dễ dàng không? Doanh nghiệp, hộ kinh doanh có dễ đáp ứng các điều kiện kinh doanh không?... Rồi trong những giao dịch hàng ngày, người dân cũng phải được tiếp cận dễ dàng với dịch vụ, được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về quy trình, thủ tục. Để có được những điều này, cơ quan hành chính nhà nước phải sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp một cách nhanh chóng, kịp thời, không gây phiền hà, không đòi hỏi và phải đúng hẹn. Tất cả những điều này sẽ làm người dân, doanh nghiệp hài lòng, từ đó họ sẽ ủng hộ chính quyền, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nguồn: sggp.org.vn

HẢI DƯƠNG: THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN ĐỂ BỨT PHÁ

Để có thể tiến kịp và vượt lên, xác lập vị thế mới, Hải Dương không chỉ cần khai thác tốt những lợi thế, tiềm năng vốn có, mà còn phải tạo lập những giá trị khác biệt.

Con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách

Các nghiên cứu cho thấy, chuyển đổi số sẽ tạo ra mức tăng năng suất lớn hơn cả 3 cuộc cách mạng công nghiệp trước đó đem lại. Ở Việt Nam, từ năm 2000 đến nay, công nghệ thông tin - truyền thông đã có bước phát triển nhảy vọt. Năm 2000, đóng góp của công nghệ thông tin - truyền thông chỉ khoảng 0,5% GDP, với doanh thu 300 triệu USD, đến năm 2019, nguồn doanh thu này đã lên đến 120 tỷ USD gấp 400 lần năm 2000, đóng góp 14,3% vào GDP của Việt Nam và trở thành ngành kinh tế lớn nhất của Việt Nam.

Xác định chuyển đổi số là giải pháp quan trọng để nền kinh tế, xã hội địa phương mình bứt tốc trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngày 26/3/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Dương đã ban hành Nghị quyết về “Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Đây là Nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Chương trình hành động số 02-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2025.

“Chuyển đổi số sẽ mở ra cơ hội chưa từng có cho tỉnh Hải Dương để nhanh chóng thực hiện được mục tiêu xác lập vị thế mới. Với khát vọng 5, 10 và 30 năm tới là thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh hơn trong điều kiện nguồn tài nguyên, nguồn lực, nhân lực có hạn, thì chuyển đổi số chính là động lực mới thúc đẩy phát triển” - Ông Phạm Xuân Thăng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương.

Nghị quyết đã nêu rõ quan điểm của tỉnh Hải Dương là phát triển nhanh và bền vững theo hướng tăng trưởng xanh và chuyển đổi số là chiến lược phát triển xuyên suốt, bao trùm của tỉnh. Mục tiêu, đến năm 2025, toàn tỉnh sẽ có 80% số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được

cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; Kinh tế số chiếm 20% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); Phần đầu có trên 700 doanh nghiệp công nghệ số; Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%; TP. Hải Dương, thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn cơ bản xây dựng là đô thị thông minh.

Đến năm 2030, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, gồm cả thiết bị di động. Kinh tế số chiếm 30% GRDP. Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 10%. Phần đầu có trên 1.000 doanh nghiệp công nghệ số. TP. Hải Dương, TP. Chí Linh và TX. Kinh Môn là đô thị thông minh, mỗi huyện có ít nhất một đô thị thông minh.

Xếp hạng chuyển đổi số năm 2020, tỉnh Hải Dương mới chỉ đang đứng thứ 14/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Nỗ lực thay đổi thứ hạng này, năm 2021, tỉnh Hải Dương đã đưa các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là vải thiều lên sàn thương mại; ứng dụng chuyển đổi số trong công tác chống dịch... Năm 2022, sẽ là dấu mốc quan trọng, đánh dấu sự bứt phá mạnh mẽ chuyển đổi số để tiến tới một chính quyền số, một nền kinh tế số, một xã hội số của tỉnh Hải Dương.

Cải thiện mạnh mẽ sức cạnh tranh của tỉnh

“Tỉnh Hải Dương đã xác định, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh trước mắt cũng như lâu dài”, ông Phạm Xuân Thăng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương cho biết.

Một báo cáo mới đây của Ngân hàng Thế giới (WB) về “Chuyển đổi Chính phủ số tại Việt Nam - Bài học toàn cầu và khuyến nghị chính” đã chỉ ra rất nhiều lợi ích mà chính phủ số mang lại. Bao gồm: (i) cải thiện chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp; (ii) cho phép ra quyết định căn cứ vào dữ liệu nhằm đem lại kết quả quản trị công tốt hơn (áp dụng từ việc mua sắm, quản lý cơ sở hạ tầng hoặc giao thông, đến sự tham gia của người dân trong phòng chống tham nhũng); và (iii) nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư nhờ có bộ máy hành chính hiệu quả và minh bạch hơn.

Các quốc gia đi đầu về chính phủ số như Singapore, thông qua chiến lược quốc gia thông minh và chỉ đạo thể chế của Cơ quan Công nghệ Chính phủ (GovTech), đã nhận thức được rằng, cải thiện chính phủ số liên tục là điều kiện cần để tiếp tục duy trì năng lực cạnh tranh toàn cầu và phát triển quốc gia. Theo ước tính tại Estonia, các hệ thống Chính phủ điện tử - Chính phủ số có thể tiết kiệm chi phí ở mức khoảng 2% GDP. Qua nghiên cứu mẫu các quốc gia phát triển và đang phát triển, các công nghệ nền tảng như định danh số (ID) có thể đem lại giá trị kinh tế tương đương 3 - 13% GDP vào năm 2030 (McKinsey 2019).

Với tỉnh Hải Dương, trong dòng chảy chuyển đổi số mạnh mẽ của cả nước, việc xây dựng chính quyền số - chính quyền điện tử chắc chắn sẽ giúp hoạt động của khối cơ quan hành chính của tỉnh được hiệu quả hơn, hiệu lực hơn, minh bạch hơn. Kinh tế số thúc đẩy đổi mới

sáng tạo, tạo ra giá trị mới, giúp tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng mới. Xã hội số giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm bất bình đẳng. Đây là những nhân tố quyết định giúp tỉnh Hải Dương cải thiện thực chất môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng minh bạch nhờ sự gia tăng hiệu quả hoạt động của khối chính quyền.

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nguyễn Cao Thắng cho biết, tỉnh đang hợp tác chiến lược với Tập đoàn FPT và Tập đoàn Viettel trong việc chuyển đổi và xây dựng kho dữ liệu số phục vụ cho hoạt động của chính quyền số; xây dựng và hoàn thiện hạ tầng số... Đặc biệt, doanh nghiệp sẽ phối hợp với địa phương, đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện các bộ chỉ số như: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI index); Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI); Chỉ số cải cách hành chính (PAR index); Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) để tìm ra những giải pháp thúc đẩy triển khai nhanh hơn quá trình chuyển đổi số cho tỉnh Hải Dương.

Nền kinh tế số của tỉnh Hải Dương cũng đang từng bước hình thành. Hiện, nhiều nông sản của tỉnh Hải Dương, đặc biệt là vải thiều đã được bán trên 5 sàn thương mại điện tử Sendo, Voso, VNSpot, Lazada, Alibaba...

Hay như Công ty TNHH một thành viên Điện lực tỉnh Hải Dương đã áp dụng số hóa nhanh các yêu cầu của khách hàng về cấp điện mới, các yêu cầu dịch vụ trong quá trình thực hiện hợp đồng. Số lượng yêu cầu đã tiếp nhận và đã hoàn thành tính theo tỷ lệ cung cấp dịch vụ theo phương thức điện tử đạt tỷ lệ rất cao là 99%.

Tỉnh Hải Dương hiện có 14.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, có khoảng 9.000 doanh nghiệp đang hoạt động, đứng thứ 13/63 cả nước. Tính trung bình, tỉnh Hải Dương có 47,5 doanh nghiệp/vạn dân, đứng thứ 19/63 cả nước. “Khi tiếp cận, áp dụng chuyển đổi số, cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân tỉnh sẽ có nhiều cơ hội để phát triển và đây sẽ là một lợi thế lớn của tỉnh Hải Dương trong hoạt động phát triển kinh tế, tăng nguồn thu từ hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp”, ông Lê Hồng Diên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận định. Hiện, tỉnh Hải Dương đang có chính sách hỗ trợ 50% chi phí chứng thực chữ ký số cho doanh nghiệp mới thành lập; hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và của tỉnh.

Đóng góp với tỉnh Hải Dương, ông Trương Gia Bình, Chủ tịch Tập đoàn FPT cho rằng địa phương có điều kiện để triển khai chuyển đổi số một số lĩnh vực trên nền tảng phát triển là xanh - số như: du lịch, nông nghiệp, y tế, phát triển doanh nghiệp số. Một công thức để chuyển đổi số mà Hải Dương có thể áp dụng là 3S (Smart-Small-Scale). Chuyển đổi số cần bắt đầu thông minh (Start Smart), ở quy mô nhỏ (Small) để đánh giá, khi thành công sẽ mở rộng (Scale).

Quyết liệt hơn, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương yêu cầu cần phải thực hiện quá trình chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột, trên tinh thần “5 rõ”, với mục tiêu cao nhất là phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tỉnh Hải Dương đã ban hành danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; giao chỉ tiêu cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Đây là tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính hàng năm và là cơ sở đánh giá năng lực, trách nhiệm của người lãnh đạo.

“Chuyển đổi số là một xu thế tất yếu trong các hoạt động kinh tế - xã hội, Hải Dương phải nắm bắt bằng được thời cơ phát triển do chuyển đổi số mang lại này. Bởi chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất, giảm chi phí mà còn mở ra không gian phát triển mới. Nó tạo ra các giá trị khác biệt, tạo bút phá trong chính những thách thức đòi hỏi phải vượt lên”, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương khẳng định.

Nguồn: baodautu.vn

QUẢNG BÌNH: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 'BƯỚC CHUYỂN TỪ' QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH SANG PHỤC VỤ'

Công tác cải cách hành chính tại tỉnh Quảng Bình được doanh nghiệp, người dân đánh giá cao, trong đó nổi bật nhất là hệ thống chính trị chuyển đổi từ quản trị hành chính sang phục vụ.

Những đổi thay mạnh mẽ

Doanh nghiệp và người dân đến làm thủ tục tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình đều nhận thấy, các quy định về thủ tục, hồ sơ, trình tự, thời gian, lệ phí... được niêm yết công khai, tạo thuận lợi cho công dân khi thực hiện các giao dịch. Nếu trước đây, người dân, doanh nghiệp đến làm các thủ tục phải đợi vài ngày mới có kết quả, thì giờ đây, tùy thủ tục hành chính mà trong vòng vài tiếng, người dân đã làm xong các thủ tục và được trả kết quả.

Anh Lê Văn Quân, Giám đốc một doanh nghiệp về tư vấn xây dựng chia sẻ: “Bộ phận một cửa của Quảng Bình dần được cải thiện. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình hàng tháng đánh giá tiến độ xử lý hồ sơ, nhắc nhở và giảm xếp loại với cơ quan nào chậm đã phần nào làm thay đổi ý thức, trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức khi phục vụ doanh nghiệp, người dân”.

Ngày 22/02, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 472/QĐ-UBND về việc công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Đây là căn cứ để các đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, có giải pháp để cải thiện chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối. Theo đó, Trung tâm Công tác xã hội tỉnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được thành lập trên cơ sở hợp nhất Quỹ Bảo trợ trẻ em và Trung tâm Bảo trợ xã hội. Cùng với đó, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; phê duyệt tinh giản biên chế bổ sung đợt 1 năm 2022.

Chuyển từ quản lý sang phục vụ

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Bình Vũ Đại Thắng cho biết, tỉnh đã xây dựng 10 cam kết đối với các doanh nghiệp đầu tư tại địa phương. “Đây là những cam kết mang tính dài hạn, trong đó nhấn mạnh, các cơ quan, đơn vị liên quan phải công khai, minh bạch thông tin đến người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là chuyển từ quản lý sang phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân. Quảng Bình xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thu hút đầu tư”, ông Vũ Đại Thắng chia sẻ.

Dẫn chứng Dự án Cụm trang trại điện gió B&T “thần tốc” hoàn thành, đưa vào sử dụng (chỉ trong 10 tháng đã hoàn thành 60 trụ tua-bin), Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình cho rằng, trong điều kiện dịch bệnh, tỉnh cùng các cấp, ngành, địa phương đã quan tâm hỗ trợ chủ đầu tư vận chuyển máy móc và thiết bị, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên gia, kỹ sư nước ngoài và người lao động đến làm việc tại Dự án, kịp thời đáp ứng tiến độ lắp đặt và phát điện thương mại.

Chính quyền tỉnh Quảng Bình xác định, quan điểm cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ hành chính nhà nước các cấp.

Nguồn: baodautu.vn

ĐẮK NÔNG: PHÁT TRIỂN

DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ ‘NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ’

Phát triển doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao, nghiên cứu và phát triển, sản xuất các sản phẩm, nền tảng, giải pháp dựa trên công nghệ số để thúc đẩy đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa các cơ hội, tiềm năng mà chuyển đổi số mang lại khi đưa được công nghệ số vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Hiện nay, công nghiệp nội dung số đã hình thành, đóng góp đáng kể cho toàn ngành công nghệ thông tin và sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Những doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam góp phần thực hiện sứ mệnh đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển, nền kinh tế Việt Nam bứt phá, phát triển nhanh, bền vững, bao trùm với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045.

Do đó, phát triển doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất sản phẩm, nền tảng, giải pháp dựa trên công nghệ số để thúc đẩy đổi mới sáng tạo đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hiện thực hóa các cơ hội, tiềm năng mà chuyển đổi số mang lại khi đưa được công nghệ số vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội, đến từng người dân; để phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, ứng dụng thành tựu công nghệ số rộng khắp trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

Với quan điểm phát triển doanh nghiệp công nghệ số là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, ứng dụng thành tựu công nghệ số rộng khắp trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch số 233/KH-UBND về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030.

Mục tiêu là tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; Phân đấu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có từ 02 đến 05 doanh nghiệp công nghệ số và đến năm 2030 có trên 10 doanh nghiệp công nghệ số trong các ngành, nghề, lĩnh vực.

Cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan, hàng năm triển khai tổ chức tuyên truyền đổi mới nhận thức, tư duy của lãnh đạo các cấp, đội ngũ cán bộ công chức và toàn thể nhân dân về mục tiêu, vai trò quan trọng của doanh nghiệp số; phát triển và ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; tích cực sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trong hoạt động của cơ quan; tạo sự đồng thuận, quan tâm của xã hội đối với doanh nghiệp công nghệ số và sản phẩm "Made in Việt Nam". Làm đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chính sách, giải pháp tạo lập thị trường cho các doanh nghiệp công nghệ số bao gồm doanh nghiệp khởi nghiệp trong xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án về chính phủ điện tử, chuyển đổi số, đô thị thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh...;

Xây dựng các chính sách khuyến khích về phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ việc đăng ký và thành lập doanh nghiệp công nghệ số mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số về thủ tục gia nhập thị trường; Hàng năm hỗ trợ đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý cho nguồn nhân lực của doanh nghiệp công nghệ số, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ số;

Xây dựng các chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp công nghệ số; Tổ chức tuyên dương các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chiến lược "Made in Viet Nam" và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, quảng bá thương mại, thúc đẩy tiêu dùng trong nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cũng yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030; Rà soát các thể chế, chính sách, điều kiện kinh doanh chuyên ngành, đơn giản hóa thủ tục quản lý công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp công nghệ số trong lĩnh vực quản lý, tăng cường đầu tư cho ứng dụng và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp gồm cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch thông tin chính sách;

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai tổ chức tuyên truyền đổi mới nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ, công chức về phát triển và ứng dụng công nghệ số trong

quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, tích cực sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trong hoạt động.

Nguồn: vietq.vn

ĐỒNG THÁP: XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

Quý I/2022, bên cạnh việc tập trung triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, bảo đảm an sinh xã hội, lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, các ngành, các cấp đã rất quan tâm chỉ đạo, điều hành đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên tất cả các nội dung, nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra. Đặc biệt, lãnh đạo tỉnh chỉ đạo thực hiện nhiều mô hình, cách làm mới trong xây dựng chính quyền thân thiện, có tính đột phá, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thu hút sự quan tâm, đồng tình, ủng hộ của Nhân dân, mang lại nhiều kết quả khả quan.

Quý I/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 4 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã đối với các lĩnh vực: lao động, thương binh và xã hội, y tế, tài nguyên và môi trường. Cụ thể, tổng số thủ tục hành chính được công bố là 1.769; trong đó cấp tỉnh 1.354 thủ tục hành chính, cấp huyện 263 thủ tục hành chính, cấp xã 152 thủ tục hành chính. Tỉnh triển khai ứng dụng phần mềm một cửa điện tử mới tại các cơ quan, địa phương, kết nối hệ thống thông tin điện tử 3 cấp chính quyền về kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp Cổng dịch vụ công của tỉnh bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tỉnh hoàn thiện chức năng ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Hệ thống thông tin một cửa điện tử, bảo đảm 100% thủ tục hành chính có kết quả đầu ra được cấu hình ký số; hoàn thành cung cấp chứng thư số cho 100% lãnh đạo, 100% chứng thư số tổ chức cho cơ quan hành chính nhà nước có tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã. Song song đó, tích hợp, chia sẻ dữ liệu có sẵn từ các cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn tỉnh để tạo lập cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính; đẩy nhanh việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để tái sử dụng thông tin cá nhân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đối với các thông tin liên quan mà không phải nộp lại các giấy tờ kèm theo về hộ tịch.

Nhằm hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, tỉnh Đồng Tháp đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện; xây dựng, vận hành Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, đầu tư, bố trí hạ tầng theo giai đoạn để bảo đảm triển khai các ứng dụng dùng chung, phục vụ kịp thời xây dựng và phát triển chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số của địa phương. Tỉnh đã xây dựng, tạo lập một số dữ liệu dùng chung như: Mã

định danh, tài khoản công chức, thông tin công dân, doanh nghiệp, văn bản điều hành, đất đai, y tế... Trong Quý I/2022, Cổng dịch vụ công tỉnh Đồng Tháp cung cấp 389 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 814 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; hoàn thành tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia 930 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Thời gian tới, tỉnh tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông điện tử ở cấp xã; ban hành các quy định về thủ tục hành chính thực hiện quy trình giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về số lượng biên chế công chức; tuyển dụng viên chức; bổ nhiệm công chức, viên chức quản lý; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức tại các đơn vị sự nghiệp. Cùng với đó, tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các địa phương; triển khai thực hiện điều tra, khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh; ban hành bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh...

Nguồn: baodongthap.vn

NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng dự kiến sẽ được tổ chức trong Quý I năm 2021. Đây là sự kiện chính trị, thời sự có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và dân tộc Việt Nam trong giai đoạn toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Đất nước ta đã trải qua gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Bối cảnh sắp tới cho thấy, chúng ta có nhiều thời cơ, vận hội lớn; nhưng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiệm vụ đưa ra những chủ trương, định hướng lớn và các quyết sách mới, sẽ có sức động viên, cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực phấn đấu trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong 05 năm, 10 năm tới và tầm nhìn đến năm 2045.

Việc thông tin, tuyên truyền về kết quả, thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng như những nội dung, nghị quyết của Đại hội trên các phương tiện thông tin đại chúng nói chung và các tạp chí khoa học nói riêng, trong đó có Tạp chí Tổ chức nhà nước của Bộ Nội vụ là việc làm có ý nghĩa rất to lớn, quan trọng và thiết thực. Các tạp chí khoa học cần phát huy ưu thế, thế mạnh của mình để đi sâu làm rõ cơ sở khoa học, cơ sở lý luận và thực tiễn của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng để góp phần nâng cao nhận thức, niềm tin vào Nghị quyết của Đại hội cũng như cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào cuộc sống.

1. Thông tin, tuyên truyền về những thành tựu nổi bật của nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng

Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, mặc dù tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, từ đầu năm 2020 sự tác động mạnh mẽ của đại dịch COVID-19 và cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu đã gây nhiều thiệt hại về kinh tế - xã hội đối với nước ta. Tuy nhiên, dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhận định, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng “... toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đạt nhiều thành tựu rất quan trọng. Trong

những năm 2016 - 2019, đất nước tiếp tục phát triển nhanh và khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật”.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao, mặc dù từ năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 vẫn đạt 5,8%/năm (riêng năm 2020, trong khi nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới và các nước ASEAN đều tăng trưởng âm thì Việt Nam vẫn tăng trưởng dương với tốc độ tăng khoảng 2,5 - 3%). Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên (năm 2020 GDP ước đạt 269 tỷ USD và thu nhập bình quân đầu người ước đạt 2.750 USD/người/năm). Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011 - 2015 lên 5,8%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

Các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện đáng kể, nợ công giảm, nợ xấu được kiểm soát, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam tăng nhanh, xếp thứ 67/141 nền kinh tế (năm 2019). Kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng mạnh từ 157,1 tỷ USD (năm 2010) lên khoảng 566 tỷ USD (năm 2020). Việt Nam đã xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với các công trình hiện đại, nhất là hệ thống giao thông và hạ tầng các đô thị lớn; hạ tầng thông tin và truyền thông phát triển mạnh; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, làm thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân.

Đời sống văn hóa, tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, phong phú, có chất lượng tốt hơn. Chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo được nâng lên. Chỉ số phát triển con người (HDI) liên tục được cải thiện, xếp thứ 116/189, thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình cao của thế giới. Chất lượng nguồn nhân lực có sự cải thiện đáng kể, tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 40% (năm 2010) lên khoảng 65% (năm 2020). Tiềm lực khoa học, công nghệ quốc gia được tăng cường; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam (chỉ số GII) liên tục được cải thiện, từ vị trí thứ 59 (năm 2016) lên thứ 42 (năm 2020) trên 131 quốc gia và nền kinh tế, tiếp tục dẫn đầu trong nhóm các quốc gia có cùng mức thu nhập trung bình thấp.

Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, tạo nhiều chuyển biến tích cực, củng cố được niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Ngăn chặn, đẩy lùi một bước tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí có bước đột phá, đạt nhiều kết quả nổi bật, ngày càng đi vào chiều sâu, tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao và quốc tế ghi nhận. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, hệ thống pháp luật ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, việc kiểm soát quyền lực ngày càng được chú trọng và tăng cường, sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng hợp lý hơn; tổ chức bộ máy được sắp xếp lại tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Sự đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà

nước và chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, tạo thành sức mạnh tổng hợp để đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Điều đó đã được chứng minh qua việc chúng ta đã kiểm soát thành công đại dịch COVID-19, vừa bảo vệ được sức khỏe, tính mạng của nhân dân, vừa ổn định đời sống, từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội (xếp thứ 64/163 quốc gia về chỉ số an toàn năm 2020), trở thành điểm thu hút đầu tư và du lịch hấp dẫn của thế giới.

Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, có quan hệ ngoại giao với hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việt Nam đã chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, trở thành bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam đã tham gia vào các định chế khu vực, toàn cầu, nhất là các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới và đóng góp tích cực ở hầu hết các tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách, đã ghi đậm dấu ấn về sự chủ động, tích cực trong vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021. Việt Nam đã trở thành tâm điểm chú ý của toàn cầu với uy tín cao trong năm 2020; được thế giới đánh giá là “ngôi sao sáng của châu Á”, được xếp vào nhóm 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới.

Qua gần 35 năm đổi mới, đất nước có nhiều thay đổi, sức mạnh tổng hợp quốc gia - dân tộc được nâng cao rõ rệt, thế và lực của đất nước được nâng lên một tầm cao mới. Từ một nước nghèo, có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, đến nay Việt Nam đã vươn lên trở thành một nước đang phát triển có thu nhập trung bình; đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm nhanh từ hơn 60% trước đổi mới đến nay còn khoảng 2,7%. Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển bền vững, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Trong lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện, chúng ta còn không ít hạn chế, yếu kém đòi hỏi phải nỗ lực phấn đấu, kiên quyết khắc phục để tiếp tục giữ vững cơ đồ, nâng cao tiềm lực, phát huy vị thế và uy tín của đất nước.

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan của thành tựu; đồng thời khẳng định đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của quá trình phấn đấu liên tục, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta qua nhiều nhiệm kỳ đại hội dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, có hiệu quả, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ XII của Đảng, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; đồng thời có sự quản lý điều hành quyết liệt của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tinh thần lao động tích cực, sáng tạo, trách nhiệm của nhân dân; sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

2. Những nội dung mới trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cần được các tạp chí khoa học tập trung tuyên truyền

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là sự tiếp nối các nhiệm kỳ đại hội trước, đồng thời đánh dấu bước tiến đưa đất nước vào một giai đoạn phát triển mới. Đại hội diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển và xu thế toàn cầu hóa gặp nhiều trở lực, khó khăn. Sự điều chỉnh chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh thương mại, công nghệ, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ diễn ra gay gắt, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, nhân tố bất ổn mới. Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng có thể kéo dài do đại dịch COVID-19. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số trên toàn cầu đang tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các nước trong đó có Việt Nam.

Những vấn đề toàn cầu như bảo vệ hòa bình, an ninh con người, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Sau gần 35 năm đổi mới, đất nước ta đã có thế và lực mới, song cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Điều đó đòi hỏi Đảng và Nhân dân ta phải ra sức phấn đấu đoàn kết thống nhất, chung sức đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực, động lực, tạo đột phá trong đổi mới, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Quán triệt sâu sắc nguyên tắc kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định và đổi mới, giữa kế thừa và phát triển, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sẽ kế thừa, bổ sung, phát triển đường lối của Đảng trong gần 35 năm qua, thể hiện nhiều điểm mới quan trọng về cách tiếp cận, tầm nhìn, mục tiêu, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và chủ trương giải pháp. Những điểm mới đó được thể hiện qua chủ đề Đại hội; đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, bài học kinh nghiệm rút ra; về dự báo tình hình thế giới và trong nước; hệ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển, các định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030; các nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược và các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể với nhiều nội dung mới quan trọng. Đây là những nội dung đã được chuẩn bị công phu, qua nhiều lần lấy ý kiến, thảo luận rộng rãi, dân chủ để đi đến hoàn thiện, trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua để cả hệ thống chính trị cùng tổ chức thực hiện.

Vì vậy, trước và sau khi tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các tạp chí khoa học cần tập trung phân tích sâu, làm nổi bật những điểm mới cụ thể như sau:

Một là, về chủ đề Đại hội. Chủ đề của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã có sự kế thừa và đổi mới quan trọng; là những định hướng lớn, tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong nhiệm kỳ tới. Chủ đề Đại hội gồm 05 thành tố cốt lõi, gắn kết với nhau, phản ánh tổng quát, toàn diện, hài hoà những nhận thức mới, yêu cầu mới, nhiệm vụ mới mà chúng ta phải giải quyết.

Yêu cầu trước tiên là tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đây là nhiệm vụ then chốt, liên quan đến sự tồn vong của Đảng, sự sống còn của chế độ; xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, liêm chính. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng muốn mạnh thì Nhà nước phải mạnh, Nhà nước có nhiệm vụ thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành theo tinh thần thượng tôn pháp luật. Đảng và Nhà nước mạnh thì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cũng phải mạnh mới thực hiện được đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, mới thành hành động thực tế của Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là cầu nối Đảng và Nhà nước với Nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Có như vậy, hệ thống chính trị của chúng ta mới thật sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, được nhân dân tin yêu, ủng hộ, bảo vệ, xây đắp.

Trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới và trong nước hiện nay, việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là một nội dung quan trọng, là tư tưởng chỉ đạo được nhấn mạnh trong dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đồng thời việc phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại có ý nghĩa vô cùng quan trọng để xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Trong lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn, sức mạnh của tinh thần, của ý chí, nhất là ý chí của cả một dân tộc giữ vai trò hết sức quan trọng, mang tính quyết định. Vì vậy, phải phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, khát vọng phát triển thành một quốc gia giàu mạnh, không cam chịu nghèo nàn, lạc hậu.

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Vì vậy, Việt Nam muốn phát triển nhanh và bền vững, tạo đột phá, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu thì phải đẩy mạnh đổi mới sáng tạo dựa trên ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy văn hoá, giá trị con người Việt Nam.

Cần nhận thức thống nhất và sâu sắc về mục tiêu phát triển đất nước trong từng giai đoạn. Phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn kiên định, nhất quán của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, từng giai đoạn trên con đường đó như thế nào, mục tiêu, những tiêu chí gì cần phải xác định cụ thể. Xuất phát từ cách tiếp cận phổ biến trên thế giới, phản ánh toàn diện trình độ phát triển cả về công nghiệp, dịch vụ, kinh tế, tri thức... chúng ta xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa có thu nhập cao. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược, dài hạn, đúng đắn của Đảng ta.

Hai là, về quan điểm chỉ đạo. Kế thừa và bổ sung, phát triển quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã dành một mục riêng đề cập đến 05 quan điểm chỉ đạo. Những quan điểm này là rất quan trọng trong lý luận về đường lối đổi mới của Đảng ta. Cụ thể là:

Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bảo đảm trên hết và trước hết lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, về bổ sung, phát triển các mối quan hệ lớn. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu ra 08 mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và xử lý tốt. Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, từ thực tiễn tổng kết 30 năm đổi mới, Đảng ta đã có sự điều chỉnh và bổ sung một mối quan hệ lớn là “quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”. Đến dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, do yêu cầu của thực tiễn, Đảng ta bổ sung một mối quan hệ lớn là “quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”. Những mối quan hệ này có quan hệ biện chứng với nhau, phản ánh những vấn đề có tính quy luật của sự nghiệp đổi mới và phát triển ở nước ta, tạo thành nội dung cơ bản của lý luận về đường lối đổi mới của Đảng ta, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải tiếp tục quán triệt và thực hiện.

Đó là mối quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Bốn là, về mục tiêu phát triển đất nước. Trên cơ sở nắm bắt kịp thời và dự báo khoa học tình hình và xu hướng phát triển của thế giới và đất nước trong giai đoạn mới, dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần XIII của Đảng đề ra mục tiêu tổng quát là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Mục tiêu tổng quát trên đây cũng chính là phương hướng, nhiệm vụ cốt lõi, những động lực chủ yếu để phát triển đất nước nhanh và bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; cụ thể là:

Đến năm 2025, là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước: trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Năm là, về các nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược. Trong dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định 06 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2021 - 2026. Những nhiệm vụ này bao quát những lĩnh vực cơ bản của công cuộc đổi mới phải giải quyết trong 05 năm tới. Đồng thời, dự thảo văn kiện cũng khẳng định 03 đột phá chiến lược do các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII của Đảng xác định có ý nghĩa, giá trị lâu dài, vẫn còn nguyên giá trị nhưng đã được bổ sung, cụ thể hóa cho phù hợp với giai đoạn phát triển. Đó là: 1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...; 2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý...; 3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội.v.v..

Trong thời gian tới, các tạp chí khoa học cần tuyên truyền những kết quả, thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các văn kiện của Đại hội nhằm tạo sự

thống nhất trong nhận thức và hành động, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố và nâng cao niềm tin đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự chung sức đồng lòng của cả hệ thống chính trị và nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động. Cần đẩy mạnh đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận, xuyên tạc gây chia rẽ nội bộ. Trên cơ sở nâng cao nhận thức như vậy, các tạp chí khoa học cần xây dựng các chương trình hành động với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo để đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào cuộc sống.

GS. TS. Lê Hữu Nghĩa, Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Nguồn: tcnn.vn

TS. NGUYỄN SĨ DŨNG BÀN VỀ PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TRONG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

Chia sẻ với báo Thế giới & Việt Nam, TS. Nguyễn Sĩ Dũng nêu quan điểm, phân cấp là phân chia chính quyền ra thành các cấp. Phân quyền là phân chia quyền lực (thẩm quyền) giữa các cấp chính quyền.

Đề án về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” đang được tập trung xây dựng.

Sắp tới Dự thảo chiến lược này sẽ được trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định. Liên quan đến Đề án này, phân cấp, phân quyền là một trong những nội dung rất quan trọng.

Hiện nay, chúng ta thường nói gộp phân cấp, phân quyền với nhau làm một. Nên nội hàm của khái niệm là không thật rõ.

Trong nhiều văn bản của Bộ Nội vụ, thì phân cấp là quyền của cấp trên, nhưng được phân xuống cho cấp dưới. Phân quyền là thẩm quyền được phân chia giữa các cấp chính quyền theo luật. Quả thực đây cũng là một cách hiểu.

Tuy nhiên, có lẽ hợp lý hơn, phân cấp là phân chia chính quyền ra thành các cấp. Phân quyền là phân chia quyền lực (thẩm quyền) giữa các cấp chính quyền. Còn quyền lực của cấp trên, nhưng phân xuống cho cấp dưới thì nên được gọi là ủy quyền.

Về phân cấp, kinh nghiệm của thế giới cho thấy, chính quyền thường được chia thành ba cấp. Đó là chính quyền Trung ương, chính quyền tỉnh và chính quyền địa phương (hay còn gọi là chính quyền quốc gia, chính quyền vùng và chính quyền cơ sở).

Không chỉ các quốc gia đơn nhất như Nhật Bản, mà các quốc gia liên bang như Mỹ, Australia cũng chỉ có 3 cấp: chính quyền liên bang, chính quyền tiểu bang và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, cấp chính quyền và cấp hành chính có thể khác nhau. Một số nước như Pháp, Đức có đến 4 - 5 cấp hành chính nhưng vẫn chỉ có 3 cấp chính quyền. Các cấp hành chính có thể chỉ là đại diện cho chính quyền cấp tỉnh hoặc đại diện cho một nhóm chính quyền cấp địa phương.

Phân chia chính quyền theo ba cấp là hợp lý vì vừa dễ bảo đảm tính liên thông giữa các cấp, vừa làm cho chính quyền không bị quá công kênh, quy trình quản trị cắt khúc.

Để hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, chúng ta cũng nên thiết kế chính quyền thành ba cấp: cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương. Chúng ta có thể cắt giảm bớt cấp tỉnh, bỏ hẳn cấp huyện, gộp một số cấp xã để thành lập các chính quyền địa phương. Vấn đề là phải kết hợp sao cho hài hòa giữa các tiêu chí về diện tích, dân số với truyền thống văn hóa và phong tục, tập quán của các cộng đồng dân cư.

Về phân quyền, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương”. (Khoản 2 Điều 112). Như vậy, chúng ta đã có căn cứ hiến định để tiến hành phân quyền.

Tuy nhiên, về cơ bản việc phân quyền hiện nay vẫn đang theo mô hình Xô Viết. Mô hình phân quyền Xô Viết còn gọi là mô hình búp bê Nga Matryoshka - các con búp bê được lồng ghép trong nhau, hoàn toàn giống nhau về hình dạng, màu sắc, chỉ khác nhau về kích cỡ. Cấp chính quyền nào cũng có thẩm quyền bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh...

Đây là một cách phân chia thẩm quyền tỏ ra khá trùng lặp, chồng chéo. Do cấp nào cũng có thẩm quyền, nên cuối cùng cấp dưới bao giờ cũng phải chờ ý kiến cấp trên. Quy trình quản trị quốc gia vì vậy trở nên thiếu mạch lạc và thường chậm trễ.

Để bảo đảm một quy trình quản trị quốc gia khoa học và hiệu quả, chúng ta cần phải lựa chọn mô thức phân quyền khác. Trên thế giới có một số mô thức phân quyền, nhưng có hai mô thức rõ ràng đưa lại sự thịnh vượng và sự phát triển vượt bậc cho đất nước.

Đó là mô thức điều chỉnh (regulation): thẩm quyền nào đã phân chia cho trung ương thì không phân chia cho địa phương và ngược lại; và mô thức bổ trợ (subsidiary): tất cả các thẩm quyền mà cấp dưới có thể đảm nhiệm thì giao hết cho cấp dưới, chỉ những thẩm quyền cấp dưới không thể đảm nhiệm mới giao lên cho cấp trên. Anh, Mỹ và các nước theo truyền thống Anh - Mỹ thường phân quyền theo mô thức điều chỉnh; Đức và các nước Bắc Âu, Nhật Bản phân quyền theo mô thức bổ trợ.

Với truyền thống lịch sử và văn hóa của người Việt, phân quyền theo mô thức điều chỉnh có vẻ không phù hợp. Vì, người Việt sẽ khó chấp nhận tình trạng cấp dưới có thể to hơn cấp trên, địa phương có thể to hơn Trung ương cho dù chỉ trong một số thẩm quyền.

Phân quyền theo mô thức bổ trợ có vẻ phù hợp hơn. Nếu chúng ta lựa chọn phân quyền theo mô thức này, nên học tập kinh nghiệm của Nhật Bản.

Nguồn: baoquocte.vn

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIII ĐẶNG ĐÌNH LUYẾN: LỰA CHỌN NỘI DUNG CẦN THIẾT VÀ ĐA DẠNG HÓA HÌNH THỨC CÔNG KHAI THÔNG TIN TỚI NGƯỜI DÂN

Đồng tình với việc sớm ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, ông Đặng Đình Luyện - đại biểu Quốc hội khóa XIII, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, tán thành với nhiều nội dung của dự thảo Luật, đồng thời góp ý một số nội dung cụ thể liên quan đến quy định về nội dung, hình thức, thời điểm công khai thông tin,...

Ông Đặng Đình Luyện cho rằng, việc sớm ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng trong Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các nghị quyết khác có liên quan của Đảng; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp 2013, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và thực tiễn thực hiện trong những năm qua.

Góp ý vào dự thảo Luật, ông Đặng Đình Luyện tán thành cần công khai các nội dung có liên quan đến người dân để Nhân dân biết, tham gia ý kiến, quyết định và thực hiện. Tuy nhiên, các nhóm nội dung nêu tại Điều 10 của dự thảo Luật là quá nhiều, có nhiều nội dung quy định tại các Khoản 2 (liên quan ngân sách của cấp xã), Khoản 3 (Dự án công trình đầu tư và tình hình triển khai...), Khoản 4 (về nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức...), Khoản 8 (liên quan đến nghĩa vụ quân sự, công an), v.v... là không thực sự cần thiết phải công khai để mọi người dân cần biết; nếu công khai tất cả sẽ rất khó bảo đảm tính khả thi trong thực tế. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc lựa chọn những nội dung thực sự cần thiết có liên quan đến người dân để công khai.

Về các hình thức, thời điểm công khai, ông Đặng Đình Luyện kiến nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bỏ Khoản 2 Điều 11 của dự thảo Luật, bởi Khoản 2 này thực chất là sao chép lại quy định của Khoản 2 Điều 18 của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 là không phù hợp với quy định Khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hơn nữa quy định này không phù hợp với các hình thức công khai thông tin ở cấp cơ sở.

Liên quan đến hình thức công khai, theo ông Đặng Đình Luyện chỉ cần giữ lại Khoản 1 Điều 11 của dự thảo Luật là đủ. Cụ thể, các nội dung quy định tại Điều 10 của Luật này được công khai bằng một hoặc một số hình thức sau đây: niêm yết công khai thông tin tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, điểm sinh hoạt cộng đồng; Đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (Nơi có thì thực hiện, còn không có thì thực hiện như nào?); Công khai thông tin trên hệ thống truyền thanh của cấp xã và các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương... Ngoài 7 hình thức nêu trên, nếu cơ quan soạn thảo thấy có hình thức công khai cụ thể khác thì bổ sung vào Khoản 1 Điều 11 của dự thảo Luật.

Liên quan đến quy định về thời điểm công khai thông tin, ông Đặng Đình Luyện đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ thời điểm công khai được áp dụng theo điều, khoản nào của Luật tiếp cận thông tin để tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm điều, khoản của luật để thực hiện, bảo đảm việc áp dụng thống nhất.

Mặt khác cũng cần nhắc, nếu quy định như dự thảo Luật, tức là sẽ áp dụng Khoản 4 Điều 18 của Luật Tiếp cận thông tin 2016: “Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin”. Thời điểm công khai thông tin trong Luật Tiếp cận thông tin

là áp dụng đối với việc công khai thông tin ở phạm vi cả nước, nhất là công khai các văn bản pháp luật của Trung ương thì phù hợp, nên lấy quy định của Luật Tiếp cận thông tin áp dụng cho thời điểm công khai ở cấp cơ sở thì không phù hợp. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc vấn đề này.

Về Công khai bằng hình thức đăng tải trên trang, cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã: Khoản 1 Điều 13 của dự thảo Luật quy định “Tại nơi đã thiết lập trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử cấp xã, chính quyền địa phương cấp xã có trách nhiệm đăng tải trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã nội dung thông tin quy định tại Điều 10 của Luật này”.

Thực tiễn hiện nay ở hầu hết các xã vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo... là chưa thiết lập trang, cổng thông tin điện tử cấp xã, cho nên chưa thể áp dụng hình thức công khai này được. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định rõ trong trường hợp này thì áp dụng hình thức công khai nào để thay thế hình thức công khai trên trang, cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã. Tham khảo Luật Tiếp cận thông tin có quy định rõ: “Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử, căn cứ vào điều kiện thực tế, có trách nhiệm công khai thông tin bằng hình thức thích hợp khác”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định rõ: trường hợp công khai trên trang, cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã, thì dự thảo Luật cũng cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan đã công khai thông tin trên trang, cổng thông tin điện tử phải có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu đã được nhập vào danh mục và phải xếp loại theo cách thức, hình thức tạo thuận lợi cho việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; bảo đảm thông tin có thể được lưu trữ điện tử, phải được số hóa trong một thời hạn thích hợp và được để mở cho mọi người tiếp cận;...

Về tổ chức thực hiện nghị quyết của cộng đồng dân cư: Khoản 1 Điều 21 của dự thảo Luật quy định: “Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức thực hiện Nghị quyết của cộng đồng dân cư.”

Dự thảo Luật quy định Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện nghị quyết của cộng đồng dân cư là không đúng, không phù hợp với vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã. Vì vậy, đề nghị sửa lại Khoản 1 này theo hướng: Người đứng đầu cộng đồng dân cư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác tổ chức việc triển khai thực hiện Nghị quyết của cộng đồng dân cư. Đồng thời, quy định rõ Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của cộng đồng dân cư và báo cáo với Hội đồng nhân dân về việc thực hiện Nghị quyết của cộng đồng dân cư tại kỳ họp gần nhất.

Về Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ; làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành: Khoản 1 Điều 27 của dự thảo Luật quy định: “Trước khi ký ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ; làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành, trừ quyết định hành chính có nội

dung thuộc bí mật nhà nước và quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:”

Theo dự thảo Luật, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân được quyền ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ; làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của cá nhân là không không phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ quy định Khoản 1 Điều 27 của dự thảo Luật.

Về giám sát của Nhân dân: Khoản 2 Điều 29 của dự thảo Luật quy định “Nhân dân thực hiện giám sát thông qua hoạt động giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp”.

Quy định như dự thảo Luật là không rõ ràng, không rõ quy trình Nhân dân sẽ tham gia giám sát thông qua hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân như thế nào? bởi vì Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2015 chỉ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và của Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân. Hơn nữa, giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân mang tính quyền lực nhà nước, còn giám sát của Nhân dân mang tính nhân dân. Trong các quy trình, thành phần giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân không quy định sự tham gia của Nhân dân. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ Khoản 2 Điều 29 của dự thảo Luật.

Ngoài ra, ông Đặng Đình Luyện cũng kiến nghị cơ quan soạn thảo làm rõ tính khả thi, tính hiệu quả của quy định cuối Khoản 1 Điều 12 của dự thảo Luật quy định “Những nội dung quy định tại các Khoản 2, 6, 7, 8, 10 và 12 Điều 10 Luật này được công khai... hoặc gửi trực tiếp bằng văn bản đến Nhân dân”. Nếu thực hiện thì thực hiện như thế nào? Gửi trực tiếp văn bản đến từng người dân hay cho những người dân nào?....

Nguồn: quochoi.vn

THÔNG TƯ TỒN HƠN LUẬT: VĂN BẢN BAO NĂM, CÁI CÁCH MÃI KHÔNG XONG

Báo cáo “Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2021”, do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố cho thấy, hàng năm có hàng trăm thông tư hướng dẫn luật được ban hành, nhưng chất lượng và tính minh bạch còn nhiều hạn chế.

Tràn lan điều kiện kinh doanh

Theo thống kê, tính từ ngày 01/01/2016 đến 20/7/2020, số lượng thông tư chiếm hơn 68% tổng số lượng Văn bản pháp luật ban hành. Trung bình, mỗi luật ban ra có 6,8 nghị định, 1,8 quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 25,8 thông tư... hướng dẫn. Với số lượng áp đảo so với các văn bản pháp luật khác, thông tư đang giữ vai trò vô cùng quan trọng khi hiện thực

hóa các chính sách của nhà làm luật và tác động rất lớn đến môi trường đầu tư kinh doanh của nước ta.

Quy trình ban hành, thông tư chủ yếu thực hiện bởi các đơn vị chuyên môn thuộc cấp Bộ. Nếu so với quy trình ban hành nghị định, luật, pháp lệnh thì mức độ kiểm soát về chất lượng và tính minh bạch hạn chế hơn.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2005, thông tư không được ban hành điều kiện kinh doanh. Quy định này được tiếp tục duy trì trong Luật Đầu tư năm 2014 và 2020. Còn theo Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, thông tư không được ban hành thủ tục hành chính, trừ trường hợp được ủy quyền trong luật.

Tuy vậy, nếu rà soát hệ thống pháp luật kinh doanh, không khó để tìm ra các thông tư vẫn còn quy định về điều kiện kinh doanh. Các thông tư này thường có nhiều dạng.

Thứ nhất là ban hành điều kiện kinh doanh công khai, khá phổ biến trong lĩnh vực ngân hàng. Chẳng hạn như: Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2021, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14/8/2021, Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30/11/2018 quy định về điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần; Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài...

Thứ hai là ban hành các quy định điều kiện kinh doanh dạng “ẩn” trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Ví như quy định yêu cầu doanh nghiệp phải có cơ sở vật chất nhất định, đáp ứng diện tích tối thiểu hay yêu cầu chứng chỉ hành nghề của nhân sự ở một số bộ phận... sản xuất, kinh doanh. Đây là các dạng yêu cầu có tính chất như điều kiện kinh doanh.

Việc ban hành các điều kiện kinh doanh tràn lan ở thông tư đang khiến cho môi trường đầu tư, kinh doanh trở nên kém thuận lợi, Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhận định.

Không những thế, theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, khi rà soát văn bản còn nhận thấy dường như đang có tình trạng lạm dụng ban hành thông tư trong hệ thống pháp luật về kinh doanh. Có những nghị định quy định rất chi tiết, đầy đủ về điều kiện, quy trình, thủ tục hành chính thậm chí là cả biểu mẫu, có thể áp dụng ngay khi có hiệu lực, không cần phải có thông tư hướng dẫn thêm.

Tuy nhiên, vẫn có nhiều thông tư quy định chi tiết, ngay cả khi không được ủy quyền, phản ánh thực trạng, dường như các cơ quan làm chính sách đang “lạm dụng” ban hành thông tư.

Hiện tượng này dẫn đến thực thi luật bị lệ thuộc quá lớn vào các quy định tại thông tư, đưa đến quan ngại về tình trạng thông tư “to hơn” cả luật, “luật ổng”, “luật khung” quay trở lại. Điều này sẽ tạo rủi ro cho môi trường kinh doanh, khi các quy định tác động đến doanh nghiệp lại được ban hành theo quy trình có tính chất nội bộ của các cơ quan thực thi.

Chất lượng có vấn đề

Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam còn chỉ ra rằng, thời gian qua, có một số thông tư đã bị ngưng hiệu lực vì chất lượng “có vấn đề”. Ví dụ: Thông tư số

15/2019/TT-BKHCN ngày 15/11/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ” bị ngưng hiệu lực thi hành khi mới ban hành khoảng 8 tháng.

Bên cạnh đó là các quy định hướng dẫn tại thông tư khác hẳn, vượt quá, thêm bớt... so với quy định tại nghị định, luật, gây ra mâu thuẫn và chông chéo khó thực hiện. Ngoài ra, nhiều thông tư ban hành nhưng có các quy định: xác định chủ thể thực hiện nghĩa vụ chưa đúng; quy định tạo ra gánh nặng về chi phí tuân thủ; quy định chưa phù hợp với thực tế, khó thực hiện...

Ví dụ: Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 quy định chủ sở hữu sàn giao dịch điện tử phải thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân đã gặp phải phản đối mạnh mẽ của các doanh nghiệp kinh doanh sàn thương mại điện tử, dẫn đến phải sửa đổi ngay sau khi ban hành.

Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, thông tư có tính chất cầu nối, chuyển tải quy định tại luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định vào thực tiễn. Quy định tại thông tư gặp “vướng” sẽ làm ách cả quá trình đầu tư kinh doanh, khiến cho tinh thần tiến bộ, tích cực, cải cách, thể hiện trong các văn bản cấp trên không được hiện thực hóa vào đời sống kinh tế. Những quy định này tưởng nhỏ, nhưng lại là những bất cập, vướng mắc, gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

Chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan cho rằng, những thông tư ban hành nhưng chất lượng kém, thiếu nhất quán, thiếu tính khả thi, thiếu tiên liệu... đang làm cho môi trường kinh doanh khó được cải thiện. Tuy nhiên, những người soạn thảo lại vô can, không phải chịu trách nhiệm gì. Việc không có chế tài khiến chất lượng thông tư không cao, bởi có gây thiệt hại thì không ai phải chịu trách nhiệm.

Còn chuyên gia kinh tế Nguyễn Đình Cung nhận xét, bản chất pháp luật kinh doanh nhìn vào thấy không ổn. Bình quân mỗi năm, Quốc hội chỉ ban hành khoảng 20 luật, nhưng có 150 nghị định và 500 - 600 thông tư hướng dẫn. Có nghĩa là, nhánh lập pháp đang dành quá nhiều dư địa cho nhánh hành pháp ban hành quy định. Một luật không sửa nhưng có thể áp dụng nhiều cách. Tùy ý áp dụng, giải thích dành cho công chức là rất lớn.

Điều này gây ra nhiều rủi ro, khiến người kinh doanh ngại ngần, đứng trước nguy cơ lúc nào cũng sai. Môi trường kinh doanh cần có mấy từ khóa là “tự do”, “an toàn”, “chi phí thấp”, song với cách làm thế này thì không thể có được.

Nguồn: vietnam.net.vn

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

ngày 25/3/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, trong đó bổ sung một số quy định về nhập khẩu phim.

Cụ thể, Nghị định bổ sung Khoản 3 Điều 8 thẩm quyền cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm như sau: Cơ quan cấp phép nhập khẩu phim thu hồi Giấy phép nhập khẩu phim khi phát hiện nội dung phim vi phạm quy định cấm tại Luật Điện ảnh.

Về thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm, Nghị định sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 9 như sau: Cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp văn hóa phẩm nhập khẩu và tờ khai hải quan (bản sao không cần chứng thực) để cơ quan cấp giấy phép giám định.

Đối với văn hóa phẩm nhập khẩu là phim: Tổ chức có trách nhiệm cung cấp bản phim đã nhập khẩu và tờ khai hải quan trong vòng 30 ngày kể từ khi có giấy phép nhập khẩu để giám định.

Cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu có biên bản giám định và bàn giao phim căn cứ trên hồ sơ và tóm tắt nội dung phim.

Nghị định cũng bổ sung quy định: Cá nhân nhập khẩu phim chỉ để sử dụng cho mục đích cá nhân cam kết không vi phạm quy định cấm tại Luật Điện ảnh và sử dụng phim đúng với quy định của pháp luật.

Bổ sung thời gian cấp giấy phép, giám định đối với văn hóa phẩm là phim.

Ngoài ra, Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 10 giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm như sau: Trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải cấp giấy phép.

Đối với văn hóa phẩm là phim, trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải cấp giấy phép.

Bên cạnh đó, Nghị định sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 10: Thời gian giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 ngày làm việc. Đối với văn hóa phẩm là phim, thời gian giám định phim không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cung cấp bản phim.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10/5/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 28/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động.**

Cụ thể, Quyết định quy định người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp tại khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu vực kinh tế trọng điểm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau: 1. Ở thuê, ở trọ trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2022 đến ngày 30/6/2022. 2. Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng trở lên được giao kết và bắt đầu thực hiện trước ngày 01/4/2022. 3. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng liền kề trước thời điểm doanh nghiệp lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà.

Trường hợp người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì phải có tên trong danh sách trả lương của doanh nghiệp của tháng liền kề trước thời điểm doanh nghiệp lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà.

Người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện trên thì được nhà nước hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ tối đa 3 tháng. Phương thức chi trả hằng tháng.

Quyết định quy định người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tại khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu vực kinh tế trọng điểm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau: 1. Ở thuê, ở trọ trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022. 2. Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng trở lên được giao kết và thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022, trừ hợp đồng lao động giao kết tiếp nối của hợp đồng lao động đã giao kết và thực hiện trước đó. 3. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng liền kề trước thời điểm người sử dụng lao động lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà.

Trường hợp người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, người lao động mới tuyển dụng và có giao kết hợp đồng lao động nhưng chưa có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội thì phải có tên trong danh sách trả lương của người sử dụng lao động của tháng liền kề trước thời điểm người sử dụng lao động lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà.

Mức hỗ trợ áp dụng cho đối tượng này là 1.000.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ tối đa 3 tháng. Phương thức chi trả hằng tháng.

Quyết định nêu rõ hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm: Danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội. Trường hợp trong danh sách có người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, người lao động mới được tuyển dụng thì bổ sung thêm bản sao danh sách trả lương của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị.

Về trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thời gian từ lúc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định hỗ trợ và chi trả cho người lao động là 4 ngày.

Trình tự, thủ tục cụ thể như sau: Người sử dụng lao động tổng hợp danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trên cơ sở đơn đề nghị của người lao động, niêm yết công khai tại nơi làm việc ít nhất 03 ngày làm việc. Người sử dụng lao động chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực thông tin của người lao động.

Sau đó, người sử dụng lao động gửi cơ quan bảo hiểm xã hội để xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội (thời gian xử lý của cơ quan bảo hiểm xã hội là 2 ngày). Người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ (thời gian xử lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện là 2 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 2 ngày).

Người sử dụng lao động chi trả cho người lao động trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Anh Cao - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CÁC BỘ, NGÀNH BAN HÀNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH MỚI

Ngày 22/3, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ký Quyết định số 509/QĐ-BTTTT ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ bưu chính không thuộc dịch vụ bưu chính công ích.

Bộ tiêu chí được xem là công cụ để đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu thời gian toàn trình bưu gửi theo mức đã công bố với khách hàng và đánh giá tỷ lệ phần trăm bưu gửi được phát thành công đến địa chỉ nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi. Đồng thời, đánh giá độ hài lòng của khách hàng về quá trình cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp.

Bộ tiêu chí gồm 3 tiêu chí lớn là: 1. Thời gian toàn trình bưu gửi; 2. Độ an toàn bưu gửi; 3. Độ hài lòng của khách hàng.

Đối với tiêu chí Thời gian toàn trình bưu gửi: Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu thời gian toàn trình bưu gửi theo mức đã công bố với khách hàng.

Kết quả đánh giá là Đạt/Không đạt so với chất lượng đã công bố. Kết quả được thông báo cho các doanh nghiệp để cảnh báo, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp xem xét công bố chỉ tiêu toàn trình mới nếu số mẫu không đạt chỉ tiêu thời gian toàn trình >30% tổng số mẫu kiểm tra, khảo sát.

Đối với tiêu chí Độ an toàn bưu gửi: Đánh giá tỉ lệ % bưu gửi được phát thành công đến địa chỉ nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi trong tình trạng không bị suy suyền, hư hỏng hoặc ảnh hưởng tới nội dung bên trong.

Kết quả đánh giá cũng là Đạt/Không đạt so với chất lượng doanh nghiệp đã công bố. Kết quả được thông báo cho các doanh nghiệp để cảnh báo và yêu cầu doanh nghiệp có phương án nâng cao chất lượng dịch vụ nếu số mẫu bị mất, suy suyền, hư hỏng >10% tổng số mẫu kiểm tra, khảo sát.

Tiêu chí Độ hài lòng của khách hàng gồm: Doanh nghiệp được khách hàng ưa thích nhất/sử dụng nhiều nhất; doanh nghiệp có nhiều loại hình dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng nhất; doanh nghiệp có tác phong phục vụ, thái độ ứng xử với khách hàng tốt nhất; doanh nghiệp có mức độ sẵn sàng phục vụ khách hàng cao nhất (thu gom tận nơi, tiếp cận điểm phục vụ dễ dàng, thời gian thu gom nhanh chóng); doanh nghiệp thực hiện xử lý khiếu nại nhanh nhất; doanh nghiệp có chính sách bồi thường phù hợp nhất; doanh nghiệp có giá cước phù hợp với chất lượng dịch vụ cung ứng nhất...

Kết quả đánh giá của tiêu chí này được xếp hạng theo thứ tự từ nhiều nhất đến ít nhất theo từng tiêu chí nhỏ, đồng thời được công bố trên cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông và Sách Bưu chính thường niên.

*** Ngày 15/3, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 18/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán.**

Theo đó, Khoản 1 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau: "1. Việc quay số mở thưởng xổ số tự chọn số điện toán được thực hiện tại trụ sở chính của công ty xổ số điện toán hoặc tại các địa điểm khác nhưng phải nằm trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, thành phố nơi công ty xổ số điện toán đặt trụ sở chính, hoặc nơi công ty xổ số điện toán có Chi nhánh".

Khoản 6 Điều 29 được bổ sung như sau: "6. Hoàn trả tiền mua vé xổ số tự chọn số điện toán: a) Công ty xổ số điện toán phải hoàn trả tiền mua vé xổ số tự chọn số điện toán cho tất cả người tham gia dự thưởng trong các trường hợp sau: Lịch quay số mở thưởng được thông báo là bị hủy bỏ do sự cố kỹ thuật hoặc trường hợp bất khả kháng xảy ra do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn nhưng chưa có lịch quay số mở thưởng tổ chức lại; hoặc có lịch quay số mở thưởng lại nhưng thời gian quay số mở thưởng chậm hơn 72 giờ so với lịch ban đầu. Kết quả quay số mở thưởng đã công bố bị hủy bỏ theo kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Bộ Tài chính, cơ quan công an, cơ quan thanh tra, kiểm tra). b) Công ty xổ số điện toán phải quy định cụ thể thời hạn hoàn trả tiền mua vé xổ số tự chọn số điện toán tại Thẻ lệ

tham gia dự thưởng nhưng tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày quay số mở thưởng theo lịch ban đầu hoặc ngày công bố hủy bỏ kết quả quay số mở thưởng của cơ quan có thẩm quyền; c) Vé xổ số tự chọn được đề nghị hoàn trả tiền mua vé phải đáp ứng đủ điều kiện như vé xổ số lĩnh thưởng quy định tại Khoản 2 Điều này”.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Chuẩn y nhân sự Ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng ủy Công an Trung ương, nhiệm kỳ 2022 - 2025:

Đồng chí Lê Minh Hà được Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương phân công đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương, Thủ trưởng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương.

* Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả:

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban Chỉ đạo 389 quốc gia) ký Quyết định số 34/QĐ-BCĐ389 sửa đổi, bổ sung danh sách thành viên Ban Chỉ đạo này.

Quyết định số 34/QĐ-BCĐ389 sửa đổi, bổ sung, thay thế danh sách Thành viên Ban Chỉ đạo 389 quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-BCĐ389 ngày 18/01/2021.

Trước đó, Trưởng ban Ban Chỉ đạo 389 quốc gia cũng đã ban hành Quyết định số 48/QĐ-BCĐ389 ngày 05/5/2021 sửa đổi, bổ sung danh sách Thành viên Ban Chỉ đạo 389 quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-BCĐ389.

Theo đó, thành viên Ban Chỉ đạo 389 quốc gia gồm:

1. Ông Phạm Bình Minh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng ban.
2. Ông Hồ Đức Phớc, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Phó Trưởng Ban Thường trực.
3. Ông Nguyễn Hồng Diên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Phó Trưởng Ban.
4. Ông Võ Minh Lương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Trưởng ban.
5. Ông Nguyễn Duy Ngọc, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an, Phó Trưởng ban.
6. Ông Cao Huy, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.
7. Bà Trương Thị Ngọc Ánh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.
8. Bà Vũ Thị Mai, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.
9. Ông Đặng Hoàng An, Thứ trưởng Bộ Công Thương, Ủy viên.
10. Bà Đặng Hoàng Oanh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.
11. Ông Nguyễn Duy Thăng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.
12. Ông Trần Thanh Nam, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên.

13. Ông Đỗ Xuân Tuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.
14. Ông Lê Đình Thọ, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy viên.
15. Ông Phạm Công Tạc, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy viên.
16. Bà Trịnh Thị Thủy, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.
17. Ông Phạm Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.
18. Ông Trần Quý Kiên, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy viên.
19. Ông Nguyễn Huy Tiến, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên.
20. Ông Bùi Ngọc Lam, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên.
21. Ông Đoàn Thái Sơn, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên.
22. Ông Đỗ Thanh Hải, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy viên.
23. Ông Trần Minh Hùng, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Ủy viên.
24. Bà Vũ Việt Trang, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Ủy viên.
25. Ông Nguyễn Văn Cẩn, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan, Ủy viên.
26. Ông Cao Anh Tuấn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Ủy viên.
27. Ông Trần Hữu Linh, Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Ủy viên.
28. Ông Lê Thanh Hải, Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, Ủy viên.
29. Ông Nguyễn Văn Thiện, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Ủy viên.
30. Ông Vũ Trung Kiên, Đại tá, Phó Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Ủy viên.
31. Ông Nguyễn Đình Thuận, Trung tướng, Cục trưởng Cục An ninh Kinh tế, Ủy viên.
32. Ông Nguyễn Ngọc Lâm, Đại tá, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Ủy viên.
33. Bà Trần Bích Ngọc, Vụ trưởng Vụ theo dõi công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Vụ I), Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

*** Bộ Y tế:**

PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long, Cục trưởng Cục Phòng chống HIV/AIDS được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế, kể từ ngày ký ban hành 24/3/2022.

TS. BS. Dương Đức Hùng được chỉ định giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản lý Bệnh viện Bạch Mai.

PGS. TS. Đào Xuân Cơ, Phó Giám đốc phụ trách quản lý, điều hành Bệnh viện Bạch Mai được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai.

*** Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính):**

Ông Nguyễn Hồng Linh, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn, kể từ ngày 01/4/2022.

*** Thành phố Hà Nội:**

Ông Trương Việt Dũng, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Ông Nguyễn Ngọc Việt, Thành ủy viên, Bí thư Huyện ủy Mỹ Đức nhiệm kỳ 2020 - 2025, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm kỳ 2021 - 2026 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố.

Ông Nguyễn Anh Dũng, Thành ủy viên, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố được điều động đến nhận công tác tại Huyện ủy Mỹ Đức; chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phân công giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Mỹ Đức nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Nguồn: baochinhpvu.vn